

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 2 (PHẦN CUỐI)

Sớ: Như tướng đồng nữ v.v...

Tây Vức lập pháp gặp đồng nữ biểu hiện có cát tướng, lại như rằng đồng nữ trắng môi mỏng, gót chân đầu gối thon tròn, biểu hiện người nữ đây sinh con ắt đẹp, khác tướng trước sinh con ắt xấu.

Sớ: “Nhưng ngăn sinh” đến “quyết định tương vi”.

Ngăn sinh ấy v.v... quyết định riêng có, cùng định ấy sai biệt mà làm trái nên gọi là quyết định trái, chẳng phải là Thức thứ sáu quyết định tương vi, quyết định tương vi đối tông pháp khác, và nhân dụ v.v...

Có thuyết nói: Thức thứ sáu tuy không đổi nhân cũng được thành.

Biện rằng: Không đúng, hai chủng thứ nhất và thứ sáu bất định, đâu có gì sai khác? Cho nên ban đầu giải thích chính.

Sớ: Vô vi không sinh ba loại năng tướng.

Đây là người ngoài vặn hỏi.

Sớ: Thể không khởi hết.

Luận chủ đáp vậy.

Sớ: Đây vặn hỏi không đúng v.v...

Hỏi: Người ngoài nói cũng vậy, lập và không lập sai khác làm sao có thể dứt vặn hỏi?

Đáp: Tông của ta Vô vi cũng lập giả tướng, cho nên trong kinh Đại Tập quyển 20 ghi: “Pháp Vô vi có ba loại tướng, nghĩa là không xuất, không diệt, không trụ”. Du-già quyển 88 nói, Hữu vi là vô thường, ba tướng Hữu vi giả sử có thể được, tương vi với đây nên biết thường trụ ba tướng Vô vi.

Hỏi: Nếu vậy vì sao pháp không tương ứng chỉ có hai mươi bốn?

Đáp: Nêu thù thắng mà bàn hai mươi bốn, ngã đã giả lập. Lại vặn hỏi luận ấy rằng, tông ta thể Vô vi là một không có sai khác nên không giả tướng, tông ông diệt v.v... thừa nhận nhiều thể đồng Hữu vi phần

nhiều có thật tướng.

Sớ: Nhân có thân sơ.

Nghĩa là trong sáu nhân trừ nhân năng tác, năm nhân còn lại đều là nhân duyên sở nhiếp, lại Đồng loại nhân ba tánh năm uẩn đều tự làm nhân, như thiện thức uẩn mong tự làm thân, mong bốn uẩn khác, gọi đó là sơ, do vì chẳng phải thức, còn lại xen nhau mong thân sơ, chuẩn theo đây.

Sớ: Pháp duyên cũng vậy.

Trong bốn duyên trừ ngoài nhân duyên đều gọi là duyên, vả lại tự sáu căn mong tự sáu thức gọi là thân tăng thượng, còn lại mong sáu thức gọi đó là sơ, vì không bị ngại, chẳng phải cận sinh, còn lại chuẩn theo đây biết.

Sớ: “Chánh lý sư” đến “là thủ dụng”.

Xét ý Chánh Lý luận quyển 14, sinh tướng vị lai chỉ khởi công năng chẳng phải là tác dụng, hiện thủ quả dụng mới là tác dụng, tác dụng ắt là công năng, công năng chẳng phải ắt có tác dụng.

Sư Câu-xá phá công năng tác dụng là tên khác, vì sao sinh dụng chỉ gọi là công năng, trụ v.v... ba loại gọi là tác dụng? Lại trái với các nhà luận thuyết của Bà-sa, nói rằng: Không có đẳng vô gián duyên khác thời thủ quả dị thời cùng quả. Chuẩn theo chủ luận ấy, nhập định vô tâm tức là thủ quá khứ cùng quả, đã thủ quá khứ nên gọi là hiện tại.

Sư Chánh Lý nói: Đẳng vô gián duyên hiện tại đốn thủ quá khứ lần lần cùng quả, đây là không được, tức vô gián duyên dị thời thủ cùng trái Bà-sa ở trước.

Sớ: Sao không có pháp đi đến đều có công năng.

Đây là vặn hỏi quá khứ vị lai tất cả các pháp đều có công năng, không chỉ sinh tướng và cùng quả đều là bản hữu.

Sớ: Sinh, chẳng phải tác dụng v.v...

Đây chính là lập lại chấp thành ý vặn hỏi trước, do bản ông nói sinh cùng quả v.v... không phải tác dụng hiển bày công năng, không nói pháp khác có công năng. Lại vặn hỏi sinh tướng không làm công năng, làm công năng không nên gọi là công năng, còn vị lai cũng không có tác dụng, vì không có tác dụng nên gọi là công năng, vặn hỏi pháp quá khứ cũng chuẩn theo đây nên biết.

Sớ: “Dị diệt” đến “liền chẳng phải hiện tại”.

Hỏi: Chuẩn theo luận Chánh Lý, trụ dị diệt cả ba đều quả năng thủ, khởi dụng đều sai khác, đối với sở tướng pháp trụ khiến an trụ, khiến thủ quả thù thắng, dị tức suy tổn khiến thủ quả yếu kém, diệt tức

hoại diệt khiến vào quá khứ vẫn hỏi lẽ nào chẳng phải lỗi?

Đáp: Dị v.v... không thể dẫn ở quả thắng gọi là không thủ quả, căn cứ một bên vẫn hỏi cũng không có lỗi.

Sớ: Bà-sa quyển 3 nói vị lai ba pháp có tác dụng.

Xét luận kia rằng, nghĩa là tất cả pháp có thể ở vị lai có tác dụng, đều có ba loại: Một là nội pháp như khổ pháp trí nhãn, hai là ngoại pháp như trăng sáng, ba là nội ngoại pháp.

Hỏi: Pháp khổ trí nhãn tác dụng thế nào?

Đáp: Tức luận ấy nói khổ pháp trí nhãn hay chánh xả dị sinh tánh, nghĩa là chánh sinh thời xả dị sinh tánh, ở vị chánh diệt năng đoạn Dục giới chấp khổ sở đoạn mười loại tùy miên.

Giải thích rằng: Nói chánh sinh tức đời vị lai, đời vị lai xả dị sinh tánh là tác dụng của nhãn, hai loại còn lại nên biết.

Sớ: Tức dị trước không thành v.v...

Xét luận ấy Kinh bộ phá, hữu bộ nói, dị ở một pháp tiến thoái suy vi lý không nên có, dị nghĩa là trước sau tánh tướng chuyển biến, phi tức pháp đây có thể nói dị đây, nên nói bài tụng rằng:

*“Tức dị trước không thành
Dị trước chẳng một pháp
Thế nên đối một pháp
Lập dị trọn không thành”.*

Giải thích rằng: Tướng khác pháp khác, nếu tức là trước trụ tướng trụ pháp nghĩa khác không thành, vì chẳng phải pháp khác, đây chính là trách về tiến. Nếu tướng khác pháp khác trước trụ tướng pháp sở trụ, pháp tức chẳng phải một, nếu trụ pháp khác mà có biệt, có lỗi trái tông, họ thừa nhận một pháp, có trụ khác, đây là trách về thoái.

Sớ: Mười thời phân vị.

Trong thai ngoài thai có năm thời đều như pháp số.

Sớ: Các luận chỉ mong ở trước.

Các luận thông nói tất cả hữu tình, tên của hữu tình cũng nhiếp vô học, sau vô học tâm lại không có hậu uẩn, không hậu có thể khác nên nói mong ở trước.

Sớ: Cũng nói trừ mạt tâm ấy.

Trừ tâm vô học sau cùng ấy, đối các hữu tình cũng được dị hậu, nên không có tương vi.

Luận: Nếu danh cú văn chẳng phải thật năng thuyên.

Hỏi: Đại thừa tự thừa nhận cõi Phật phương khác màu sắc cũng năng thuyên là dị thanh có, nhân lẽ nào không phạm tự bất định ư?

Đáp: Chẳng phải thật nên nói do lựa chọn dị ấy xong nên không có bất định.

Sớ: Nếu không nói pháp xứ v.v...

Hoặc tông chỉ nói chẳng phải lìa sở y riêng có thật thể, tha thừa nhận gây khúc lìa sắc sở y riêng có thật thể, nên thiếu sở lập, nếu nói pháp xứ, tha cũng không thừa nhận trên sắc gây khúc ở pháp xứ, nên dụ không có lỗi.

Sớ: Không thể vặn hỏi nói giới thể chỉ y tư v.v...

Ý người ngoài vặn hỏi rằng: Dài v.v... chỉ nương sắc chỉ khiến thuộc biệt xứ, vô biểu chỉ y tư, nên không đồng xứ nhiếp.

Ý đáp: Vô biểu cùng tư đồng pháp xứ đâu được vặn hỏi khiến không đồng xứ ư? Đây tức lại căn cứ đồng xứ đáp họ, không lìa điều họ vặn hỏi. Họ vặn hỏi dài ngắn cũng vậy, vì hiện đồng xứ, đâu được vặn hỏi khiến biệt xứ ư? Từ đây trở xuống sẽ chánh giải thích. Có thuyết nói, hiện hành là ý cảnh, nên đồng pháp xứ.

Biện rằng: Định đạo vô biểu lý dung chứa có thể như vậy, biệt thoát vô biểu, tại sao y hiện, lại nếu ý cảnh tức đồng pháp xứ, sắc v.v... gây khúc cũng tự ý cảnh, nên chỉ có pháp xứ, nên biết trái.

Luận: Đây lẽ ra như thanh kia v.v...

Sớ có hai ý ban đầu lượng phá, mà nói đây là thanh trong tiểu đây, kia là tiếng nhạc kia nhỏ. Lại nói, nếu tiếng nói v.v... đây nói đây tự tiếng gây khúc bên trong, kia tức kia trong ngoài sinh gọi là tiếng. Nhưng lượng trong số cùng ngoài lượng trước làm hữu pháp sai biệt, suy nghĩ có thể biết.

Sớ: Chỉ như ông hóa thân nói hai nghiệp v.v...

Ý như trong Nghĩa Đăng giải thích.

Hỏi: Đã thừa nhận năng thuyên thành ngữ nghiệp chẳng?

Đáp: Thật thể ngữ nghiệp Đại thừa chỉ có tư, nếu căn cứ giả nghiệp, dù lìa chất thanh gọi nghiệp không có lỗi, cho nên trong Luận Phật Địa quyển 7 nói hóa thân ngữ nghiệp đều có ba loại, nghĩa là thân tự tha, chẳng phải thân tương ứng, ý nghiệp chỉ có hai, nghĩa là thân tự tha, không đâu chẳng phải thân. Phi thân nghĩa là phi tình, nếu tâm tương ứng chẳng phải phi tình, cho nên chỉ hai loại.

Hỏi: Tiểu thừa hóa ngữ được thành nghiệp chẳng?

Đáp: Nếu y Hữu bộ tức chất hóa ngữ năng sinh danh v.v... là ngữ nghiệp tánh, nếu lìa hóa chất, theo ý Bà-sa có hai giải thích:

1. Hóa ngữ tánh là ngữ nghiệp, do tâm phát, tuy lìa hóa không chấp thọ sinh, nhưng thuộc về hữu tình chẳng phải thuộc ngoại khí, cho

nên chuông gió âm thanh khí bên ngoài cùng với dây trái nhau không có năng thuyên, các loại tiếng nhạc ống nhạc dây cũng như vậy, cũng không nêu bày, có ca khúc tự gọi là chẳng phải chân, thừa nhận là tiếng nói, gió khí gió v.v... dẫn phát, tuy gọi là tiếng nói vẫn thuộc bên ngoài, không có danh chẳng phải nghiệp, vì không thành tựu.

2. Tuy là năng thuyên nhưng không có danh thật, đã có nêu bày tự danh chẳng phải thật, như lửa trong gương giống như lửa chẳng phải chân, tánh cũng chẳng phải nghiệp, lại không thành tựu, do không chấp thọ đại chủng sinh. Các luận căn cứ tự thuyết tên hữu tình, y tức hóa chất nói thành hóa ngữ.

Sớ: Nay Đại thừa nhân đồng thời v.v...

Xét Đối Pháp quyển 1 nói, nhân thọ đại chủng, nghĩa là âm thanh của tiếng nói, nhân không thọ đại chủng, nghĩa là các tiếng của cây v.v... nhân đồng thời, nghĩa là các tiếng của tay đánh trống.

Giải thích rằng: Nhân nghĩa là sở do, thọ nghĩa là chấp thọ, tỉnh lược nên nói thọ, tức tiếng đại chủng dẫn phát thuộc sở hữu tình, nhân không thọ tiếng trái ở trước nên biết, do tiếng duyên trong ngoài dẫn phát gọi là đồng thời, hai tăng thượng duyên phát sinh một tiếng, nhưng có tông không thừa nhận, nên hiển bày tông luận, không có tánh của tiếng để chấp thọ, và không chấp thọ đại chủng làm nhân. Hai và bốn đại chủng đều là quả sai khác, tuy hai đại chủng có tiếng gõ đánh mà chúng làm nhân đều phát tiếng sai khác. Căn cứ tự y xứ không thành ba thể, tuy có tướng tay đánh tiếng làm nhân phát sinh hai tiếng, mà tướng sáng đoạt tùy theo lấy một loại, tướng sai biệt khó biết, thế nên thanh xứ chỉ có hai loại, nay y Đại thừa không lấy nghĩa Tiểu thừa.

Sớ: Như tiếng cây rừng thuyết pháp cũng được có thiện v.v... Đối với Phật hóa đều thuộc thiện, còn lại thì không như vậy, do Phật sắc thanh đều chỉ có thiện, có nghĩa lập chẳng phải là hóa, hữu tình thắng nghiệp đã cảm có khí bên ngoài như là tiếng, các pháp năng thuyên đồng tiếng nhạc ống nhạc dây, cũng không có lỗi.

Biện rằng: Trong kinh nói Phật hóa làm, mà các tiếng nhạc ống nhạc dây cần người thổi đánh, không có giáo không nêu bày nên khó nương.

Sớ: Do ngữ và danh chẳng tức, chẳng lìa v.v...

Đây ngăn phục vấn hỏi, vấn hỏi rằng danh ta lìa ngữ, ông không thừa nhận, đã không thừa nhận lìa, ông liền nói ngữ nên có lời đáp đây.

Sớ: Trời thương v.v...

Lược có hai loại;

1. Trời thuộc năng ái, ái thuộc sở ái, sở ái gọi là ái của mỗi cõi trời là Y chủ thích.

2. Trời cùng ái thuộc về năng ái, nay sở ái được trời ái, tức là Hữu tài thích. Như luận Tỳ-đà-la nói việc đây, tức trong Xu Yếu đã nói vậy.

Sớ: Văn là nêu bày nghĩa.

Danh, cú hai loại là nêu bày thành hiển, hiển nêu bày tự tánh nghĩa sai biệt, văn thành sở y, từ năng y nói gọi là ảnh hiển, có văn thuyết thể tức danh hiển, do năng thuyết hai danh cú ấy, năng thuyết tức là nghĩa ảnh hiển.

Biện rằng: Số giải thích là chính, vì có chỗ nương tựa, cho nên luận Du-già quyển 52 nói, nếu chỉ có nương văn chung có thể liễu đạt âm vận mà thôi, không thể liễu đạt sự nghĩa sở hữu, nếu y chỉ danh lại có thể liễu đạt các pháp tự tánh, tự tướng cũng liễu đạt âm vận, không thể liễu đạt sâu rộng sai biệt, nếu y chỉ cú phải tất cả đều có thể liễu đạt. Câu-xá quyển 5 nói, những chữ như “bao”, “a” chẳng phải năng thuyết biểu hiện. Luận Thuận Chánh Lý quyển 76 nói, văn nghĩa là không thể thân gần đối với nghĩa, nhưng cùng với danh cú là nghĩa năng thuyết nương, điều này các luận nói văn không thể liễu đạt sự nghĩa năng thuyết với pháp, tại sao gọi là hiển? Nếu gọi là năng hiển, tại sao không thể liễu đạt sự nghĩa? Cho nên trong số giải thích là hay.

Hỏi: Nếu vậy vì sao quyển 52 nói đối với tất cả ở trong việc sở tu sở thuyết, cực lược tướng là văn, nếu ở trong đó là danh, nếu rộng là cú?

Đáp: Do năng là nương giúp danh cú ấy khiến thành thuyết biểu, xa có nghĩa thuyết, nghĩa thuyết sơ lược gọi đó là lược, chẳng phải thân sơ thuyết tiểu gọi là lược. Nay lại giải thích rằng, nếu nói năng thuyết chỉ có danh cú hai pháp, nếu nói năng hiển thông danh cú văn, văn năng hiển âm vận ấy sai biệt danh cú ấy. Cho nên luận Du-già quyển 52 ghi: “Nếu chỉ y văn, chỉ có thể liễu đạt âm vận mà thôi”. Hiển Dương quyển 12 ghi: “Hiển phát danh cú, nên gọi đó là văn là năng ảnh”, vì hai thuyết ấy lại đây gọi nghĩa hiển năng hiển, nghĩa là lý do, văn là lý do âm vận của thanh năng hiện.

Sớ: Tự tướng cộng tướng thể chẳng phải là biến, hai tướng này không biến khắp nhau gọi là chẳng phải biến khắp.

Sớ: Thể tự tánh sai biệt tức biến thông.

Hai pháp này cùng biến tự tướng cộng tướng, nên gọi là biến

khấp.

Sớ: Nay không đồng với họ v.v...

Nay luận này nói tự tánh danh thuyết, không đồng với tự tánh của các giáo hiện lượng sở chứng tự thể các pháp. Trong sở nói, các pháp chỉ có chứng hiện lượng, tức nêu thể tự tánh sở chứng.

Sớ: Nếu vậy, tất cả pháp đều không thể nói v.v...

Hỏi: Cùng thứ lớp hỏi đáp sao có sai biệt ư?

Đáp: Trước thô sau tế, cho nên cả hai sai khác, suy nghĩ kỹ có thể hiểu.

Sớ: Lại chỉ có năm căn năm trần, tâm, tâm pháp đắc, căn trần tự tướng đều gọi là bất đắc, cho nên chỉ có tâm đắc. Phật quả, Thức thứ tám thấy đều đắc, trong nhân thứ tám được hai tự tướng, năm thức chỉ được tự tướng năm trần, Thức thứ sáu, thứ năm đồng duyên được tự tướng trần, ý thức trong định cũng được năm căn, còn lại thì không như vậy.

Hỏi: Năm căn chiếu cảnh, tự tướng năm cảnh căn nào không được?

Đáp: Tâm hiện lượng gọi là được tự tướng, căn chẳng phải hiện lượng nên không được tánh ấy.

Hỏi: Nếu vậy vì sao Hiền Dương luận hỏi như vậy hiện lượng ai có?

Đáp: Sắc căn hiện lượng v.v... chuẩn theo lời đáp ấy tức thể của năm căn cũng gọi là hiện lượng.

Hỏi: Nay sao lại nói chẳng phải?

Đáp: Ý văn kia nêu căn cảnh của tâm để làm tâm có thể có hiện lượng mà nói hiện lượng, thể của hiện lượng thật chỉ là tâm pháp.

Sớ: Không được nghĩa sai biệt của cộng tướng.

Tức nghĩa cộng tướng sai biệt, nghĩa cú sai biệt sở đắc.

Hỏi: Danh cú này cả hai sở thuyết, tự cộng cùng hiện lượng, tỷ lượng sở duyên nào có khác?

Đáp: Có đồng biệt, lại tâm tỷ lượng mà có đồng, duyên thông cả hai, nếu không như vậy, tại sao được nói nghe là tỷ lượng, tỷ lượng căn cứ đây được duyên có hai? Nói biệt là đối với tự, cộng tướng vì muốn liễu tri, tâm tướng, hành giải thật so sánh các pháp khác mới gọi là tỷ lượng sở thủ cộng tướng, hiện lượng mong luận nó cho nên nói đồng. Chỉ nói danh cú là nêu bày đối với sắc thanh thường vô thường v.v... Tự, cộng tướng hiện lượng ở đây cũng duyên mà nói sai biệt, là danh cú sở thuyết chỉ nương tâm biến không thật thể tánh, chỉ là cộng

tướng chuyển, hiện lượng mang cả thuyên, hai tướng kia chung gọi là tự tướng. Lại tâm hiện suy tìm, danh ngôn ấy là pháp sở thuyên, tuy chấp bất định gọi là nghĩa thuộc v.v... nhưng khởi hành giải cũng cùng nghĩa ấy đồng, nơi thanh không đến thì trí không chuyển. Phật biết pháp ấy không do duyên biến, cũng cùng pháp ấy đồng, trừ các nghĩa trước. Nếu Thức thứ năm, thứ tám ở tướng nhân vị, chánh nghĩa có tự thể, tướng mà định mang theo thông với thể hữu vô, danh cú sở thuyên cộng tướng không có, nên sai khác với nó.

Hỏi: Danh cú sở thuyên tâm biến không có tự thể chỉ có cộng tướng chuyển, tỷ lượng cũng vậy, hai thứ tâm năng biến và hai cảnh sở duyên sao lại khác?

Đáp: Cú v.v... sở thuyên bao gồm tất cả pháp tự loại gọi là cộng tướng, tỷ lượng sở duyên thông ở dị loại gọi là cộng tướng, như nhân sở tác thông với thanh, bình v.v... tâm tỷ lượng lập một chủng loại so sánh các pháp khác, tâm cú v.v... tâm tức không như vậy, cho nên có sai biệt.

Hỏi: Nếu vậy trí tâm cú v.v... thuộc về lượng nào?

Đáp: Định tâm duyên gọi là hiện lượng thấu nhiếp nhiếp; tâm gọi là hoành kế tức là biến kế, thuộc về phi lượng. Nếu chẳng hoành kế, tuy không tác ý thông suốt các pháp khác cũng thuộc tỷ lượng. Nếu không như vậy tâm đây là thuộc pháp nào? Điều này càng nên suy nghĩ lại.

Hỏi: Danh cú sở duyên cùng với kinh đã nói hai tướng có gì sai khác?

Đáp: Kinh nương pháp thể, danh cú sở duyên tâm tướng an lập.

Hỏi: Vì sao không thủ duyên gọi là đẳng trí, tất cả tướng phần là cộng tướng v.v... chỉ thủ hành giải, tâm biến là vì sao?

Đáp: Tướng phần sở biến không thông các loại, không được gọi là cộng, hành giải thông các pháp nên gọi là cộng tướng.

Hỏi: Trí tầm danh ngôn đã nương cộng tướng, tướng ấy thể không có, làm sao gọi là huân tập hay sinh bản thể?

Đáp: Trí tầm danh ngôn tướng phần chẳng phải không có, thuận hành giải tâm năng sinh bản thể, nhưng ở trên tướng khởi kiến giải các màu xanh vàng, sắc thanh, tâm giải sở duyên, cộng tướng này thể tánh là không, ở trên tư tướng tăng ích ở đây. Lại có hỏi đáp, như chương ấy có nêu bày đủ.

Sớ: Chưa rõ hữu danh v.v...

Lược có hai giải thích:

1. Do chưa có pháp năng liễu tự tướng nên không được hữu danh,

văn khéo lược, còn lại chuẩn theo đây giải thích.

2. Tuy có chữ “nhiều” cũng chưa có tự tánh của pháp năng liễu, nên phải có danh, có cú chuẩn theo đây.

Đây nói lập danh cú văn ấy, không lấy lý do ở tụng, cho nên đoạn sau kết rằng không khác tụng nói, giải thích sau là thù thắng.

Hỏi: Chữ y có danh cú, cả ba đều không tương ứng, y cú tụng mới thành, tụng thuộc bất tương ứng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Như số đã biện.

2. Chữ thành danh cú v.v... nghĩa là thế tương tục bất tương ứng, tụng tuy dùng câu thành, nghĩa là thế có gián cách, chẳng phải thuộc pháp ấy.

Sớ: Tuy hai tự tánh hỗ tương không lìa nhau v.v...

Tức là pháp, từ cả hai thế đều vô ngại. Thế chỉ là tuệ, sở đối có sai biệt, thế chẳng phải khác.

Sớ: Từ đối cơ v.v...

Vả lại như Đức Như Lai dùng một âm khởi tất cả tiếng để thích hợp các căn cơ.

Sớ: Tai nghe rồi v.v...

Đây đứng về nghe pháp hành tướng phân làm hai, chẳng phải tiếng danh v.v... có hai thể sai khác, hoặc có thể, chẳng phải nói tự thể có sai khác, hiển bày từ và pháp ở trước, hai cách giải không ngại.

Luận: “Các cõi Phật khác” đến “lập có ba”.

Các kinh như Duy-ma v.v... là chứng cứ.

Hỏi: Xét kinh ấy ghi: “Như Lai ở cõi ta không có văn tự để nói, chỉ dùng các hương khiến các trời người vào các luật hành”, đây chính là ngay trên hương không lập, làm sao được làm thể?

Đáp: Đối với cõi đây âm thanh gây khúc lập danh tự, nghĩa là cõi ấy không có, không nói hương ấy không có văn danh v.v...

Hỏi: Danh trên hương v.v... hành tướng như thế nào?

Đáp: Hương nhân sai biệt vì ngộ pháp tự tánh sai biệt v.v... cũng như cách hiểu âm thanh gây khúc.

Hỏi: Tự v.v... tại sao nương lập danh?

Đáp: Do y tự v.v... liễu các pháp tánh, giả lập các danh. Nếu vậy, cõi ấy Phật thuyết pháp chẳng?

Đáp: Cũng thuyết pháp.

Hỏi: Làm sao nêu bày khiến họ hiểu được mà gọi là thuyết?

Đáp: Do người năng thuyết suy nghĩ các danh trên, khiến phải hóa

cơ suy nghĩ các danh số trên được phát khởi gọi thuyết, phàm thuyết pháp cốt yếu là khiến họ hiểu, suy nghĩ v.v... làm duyên họ nhân đó mà hiểu khởi danh nói lỗi gì?

Hỏi: Há là chúng sinh ấy bao gồm được tâm họ, lại ở sau làm sao có thể biết ý trên?

Đáp: Thế giới đã sai khác, chung quy có lỗi gì!

Hỏi: Phương đây cũng có thấy sắc, nghe hương tự suy nghĩ hiểu nghĩa, nên nương suy nghĩ v.v... lập danh cú văn.

Đáp: Có hai giải thích:

1. Y nhiều phần.

2. Do từng nghe tiếng trước hiểu danh v.v..., sau thấy sắc v.v... ở nghĩa hiểu sinh nhớ nghĩ danh cú lúc trước v.v...

Hỏi: Đây y các hương để sinh hiểu, nói nhớ giáo y tiếng, họ hiểu nhờ hương sinh, đồng nhớ hương chẳng phải giáo.

Đáp: Trước muốn nghe tiếng thấy sắc sinh hiểu, tuy thấy sắc hiểu giáo nương tiếng, nghe hương sinh hiểu vì không do tiếng, thừa nhận các danh y các hương, giải thích trước là thù thắng, đây sắc v.v... lập danh cú v.v... mà không có giáo ngăn, lại không trái lý.

Hỏi: Trong thanh siêng năng dừng phát, danh v.v... có thể tức thanh, hương đợi bên ngoài mới sinh, danh v.v... lẽ ra chẳng phải có?

Đáp: Hương bên trong cũng cần phát như hương có được tên, hương bên ngoài đồng với nước rừng, danh có gì trái lý? Do nghe hương v.v... được sinh hiểu.

Hỏi: Nếu vậy cũng nương sở thuyên sinh tổ ngộ, nên cũng nương kia lập đối với danh?

Đáp: Do nhân năng thuyên sở thuyên mới hiểu, cho nên gọi là cú v.v... không nương sở thuyên.

Hỏi: Kinh nói, y hương dùng làm Phật sự, tức y hương v.v... lập văn danh cú, kinh cũng nói rằng hoặc có cõi Phật vắng lặng không nói, hoặc chỉ hư không mà làm Phật sự, lẽ nào liền nương vô ngôn thuyết ấy đồng lập danh cú ư?

Đáp: Lập danh lỗi gì? Như nương tư v.v... tức việc ấy, không nương thanh ngôn gọi là vô ngôn, cũng không trái lý.

Hỏi: Đã không nương thanh mà lập đồng, lẽ ra không có tiếng, tai nghe?

Đáp: Cõi đây không nương thanh v.v... gọi là giáo, hương v.v... chẳng phải không, cho nên thanh và tai ấy cũng lại có được.

Số: Phát thân ngữ ý phần nhiều lập pháp đồng.

Vả lại căn cứ chỗ phát để biện đối với nhiều, lý đối chỗ ngăn ngại, gọi là nhiều cũng được.

Sớ: Mạng căn v.v...

Sở trì có sáu, mạng năng trì mà được nhiều tên, đây chính là chánh đáp người ngoài vặn hỏi ở trước, không biểu hiện nương nhiều, thân sở y nói sắc thanh gồm thấu nhiếp năng y, vô biểu nên thuộc pháp xứ, mạng căn cũng vậy, danh đồng loại như vậy, dài v.v... thì không như thế, nên đồng sắc xứ.

Sớ: Có nghĩa thuộc pháp xứ.

Nếu vậy người ngoài nói, ta cũng như vậy, lý gì riêng trách?

Biện rằng: Căn cứ thật nương tư để lập vô biểu, chỉ là một pháp, đây giải thích không trái, nếu chỉ người khác vặn hỏi mà nương sở phát để nói vô biểu, giải thích trước thích là thù thắng.

Sớ: Mười loại pháp khác v.v...

Bất tương ứng của Đại thừa có hai mươi bốn, đã nói xong mười bốn, còn mười bốn pháp khác chuẩn theo trên nên biết, cho nên không nói.

Luận: Có chấp tùy miên v.v...

Xét Tông Luân luận, Đại chúng bộ v.v... nói: Tùy miên chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở pháp, cũng không có sở duyên, tùy miên khác triền, cùng tâm bất tương ứng.

Hỏi: Ý chấp thế nào?

Đáp: Ý ấy nói tùy miên tức tham v.v... Tùy miên cũng có mười loại, nếu vị vô tâm và khi khởi thiện, do có tùy miên gọi là dị sinh v.v... nếu là tâm sở, vô tâm vị đã không có các nhiễm, nên gọi là Thánh. Nếu họ lập có, sao gọi là vô tâm, và thiện tâm? Do đây chấp thành tâm bất tương ứng.

Sớ: Nghĩa đây tâm rất thô.

Đây là lý do luận Tát-bà-đa gọi là thô, nếu triền là hiện hành, hiện hành triền cùng nghĩa tùy miên mà không tương ứng. Nói tùy miên là tùy theo hữu tình ngũ mê không dậy. Nếu hiện hành triền không tương tục, vì chẳng phải miên phục, cho nên cùng tùy miên gọi đó là cập nghĩa, đều không tương ứng.

Hỏi: Sao biết tùy miên của Hữu bộ là hiện hành?

Đáp: Xét luận Câu-xá quyển 19 ghi: “Sư Tỳ-bà-sa nói như vậy, dục tham v.v... thể tức là tùy miên”. Lại nói, Tỳ-đạt-ma nương thật tướng đây mà nói, tức có thuyết phiền não gọi là tùy miên, cho nên trong bản luận nói dục tham tùy miên ba căn tương ứng. Đã nói tương

ứng, rõ ràng biết là hiện hành.

Có nghĩa hỏi rằng: Đại thừa đã dùng chủng tử nhiễm ô làm tánh tùy miên, người ngoài cũng vặn hỏi rằng: Vì danh tham v.v... như hiện tham v.v... cho nên nhân không thành, nếu vậy đối với ngã lý đây chẳng phải không, chỉ có thể nói là tham v.v... tùy miên, Tỳ-kheo gọi là tham v.v..., luận chủ đã lập nhân, cũng không thành, vặn hỏi này nên suy nghĩ.

Biện rằng: Nhân của danh tham v.v... phá tùy miên kia chẳng phải bất tương ứng, mà không chướng nó là thuộc tùy miên. Vì sao nhân đây vặn hỏi trở lại các nhiễm không gọi là tùy miên, rất trái với ý chỉ luận. Nếu nói lập ngăn Đại chúng bộ v.v... vì đây mà vặn hỏi, cũng không nên nói tông tùy miên của ta không gọi là tham v.v... vì sao? Như mười tám giới tùy theo loại hiện, gọi là mười tám giới, tham v.v... tùy miên vì sao không như vậy? Lại nếu tùy miên không gọi là tham v.v... tham v.v... tùy miên chẳng phải tham, nếu thừa nhận như vậy, các tùy miên thuộc pháp nào? Cho nên không được, nay cùng nhân ấy làm quyết định tương vi. Loại nhiễm tông ta, định là tùy miên gọi là tham v.v... vì không có sở duyên, như tùy miên của ông đối với Đại chúng lại không có lỗi. Nếu họ chống chế, ta cũng vậy, nên kết lời ấy rằng: Không ngăn tùy miên, nhưng không thừa nhận ông thuộc bất tương ứng. Lại vặn hỏi thẳng rằng: Loại nhiễm tông ta gọi là tham v.v..., tùy hiện tham v.v... thuộc tâm sở, tông tùy miên tham của ông gọi là bất tương ứng, trong ấy làm sao nhiếp?

Luận: Chấp riêng có những pháp khác v.v...

Xét trong Thành Nghiệp luận, nêu bày Chánh lượng bộ nói vô biểu, giới là bất tương ứng. Có thuyết nói pháp đây gọi là không hư mất, do pháp đây cho nên có thể được quả ái phi ái đương lai, ý nghiệp cũng vậy, thừa nhận có pháp đây. Nếu không như vậy thì khi các tâm khởi đây lại đoạn diệt, trong tâm tương tục, nếu không dẫn khởi như vậy là pháp sai khác, làm sao được quả đời đương lai? Thế nên định lẽ ra thừa nhận có pháp đây, pháp đây thật có, thuộc về tâm bất tương ứng hành uẩn. Còn lại như trong số giải thích.

Luận: Một là pháp sở tri của hiện lượng.

Chẳng phải nói sắc v.v... là cảnh hiện lượng gọi là hiện sở tri, nếu nói tâm v.v... là cảnh trí tha tâm, làm sao ở sau nói đời cùng liễu tri, trí cảnh tha tâm chẳng phải đời biết. Lại đứng về tha tâm gọi là hiện sở tri, nhãn v.v... lẽ ra thuộc hiện sở tri, tâm hiện lượng của Phật duyên nhãn v.v... cho nên biết chỉ là thế gian cộng liễu gọi là hiện tri.

Biện rằng: Nếu thế cộng liểu gọi là hiện sở tri, tại sao sự phân làm ba? Ba lẽ nào là người đời không liểu tri? Hiện chấp đời gọi là nhân nhĩ v.v... nếu nói không biết nhân v.v... thể tướng gọi là phi liểu, tâm v.v... thể tướng, đời lẽ nào liểu ư? Bình v.v... hiện biết, cần gì riêng nói nên biết luận nói hiện sở tri, căn cứ trong thế gian chấp nhận có để mà bàn, chẳng phải đứng về tất cả, do tha tâm trí mà đời có được, năm căn thế gian, ắt không hiện được, Thức thứ tám tuy duyên chẳng phải nghĩa cực thành, cho nên không nương nói. Do ba loại nghĩa không đồng cho nên khai riêng, nên theo ý của bản sở.

Luận: Hoặc tánh sở hiển của sắc tâm v.v...

Sắc tâm hiển nhau, phân làm bốn câu:

1. Dùng sắc hiển sắc.
2. Dùng sắc hiển tâm, đều sai như trong sở.
3. Dùng tâm hiển tâm, là tha tâm trí.
4. Dùng tâm hiển sắc, là tâm duyên sắc.

Hỏi: Vô vi làm sao sắc tâm hiển?

Đáp: Có nghĩa hư không Vô vi thông sắc tâm hiển. Trong Luận Phật Địa nói, năm uẩn không có chỗ vì hiển hư không. Lại tâm duyên không nên gọi là tâm hiển. Trạch diệt Vô vi nếu y năng chứng chỉ có tâm sở hiển, nếu nương lìa ràng buộc, tự tánh đoạn cũng chỉ có tâm hiển, do tâm lựa chọn đoạn nhiễm hiển, thông nói ba đoạn là sắc tâm hiển, do đoạn năm uẩn mà chứng được, hoặc chỉ có tâm hiển. Nếu chẳng phải trạch diệt thông sắc tâm hiển, sắc tâm duyên thiếu mà hiển được, bất động tướng thọ chỉ có tâm sở hiển, nghĩa ấy nên biết, nay đây thông hiển, các nhân Vô vi, chung quy nói tánh sở hiển của sắc tâm v.v... .

Hỏi: Nếu nhân sở tri dùng phá họ.

Họ cũng dùng nhân này phá Đại thừa nói: Chân như của ông v.v... chẳng phải không lìa thức tự tánh Vô vi, vì tánh sở tri, như sắc tâm v.v... lượng đây cũng nên thành tự chân năng phá.

Đáp: Lỗi tông tương phù, Đại thừa Vô vi cùng tâm sắc v.v... mà chẳng phải tức, lìa. Nay vặn hỏi chẳng phải lìa cho nên thành lỗi. Nếu vậy họ đối tông nói chẳng phải không tức lìa thức tánh Vô vi, lại làm sao thông?

Đáp: Cũng phạm lỗi tương phù, con đường tâm ngôn vắng lặng mà chẳng phải có không, và tức lìa v.v... ngăn định tức lìa mà nói chẳng tức, chẳng lìa.

Sớ: Do trên chuyển thứ ba Y chủ thích.

Thứ ba chuyển gọi là do thanh, cũng gọi thanh đủ, do sức trí tuệ

đoạn hoặc sở hiển nên thuộc do thanh, lại có nghĩa khác, như Nhân Minh sao.

Sớ: Chẳng phải sức lựa chọn sở đắc cũng vậy, cũng là thứ ba Y chủ thích.

Hỏi: Thứ ba do thanh, nay nói chẳng phải do đâu được đồng ư?

Đáp: Tuy không do trì, nhưng do duyên thiếu Vô vi mới hiển, nên thuộc thứ ba.

Sớ: Hư không ấy bất động v.v...

Không thể ngại vật gọi là hư, Vô sắc v.v... nên nói đó là không, hư tức là không, là Trì nghiệp thích.

Biện rằng: Lìa các chướng ngại gọi là hư không, không thể ngại vật, không sắc v.v... đều lìa nghĩa chướng, nghĩa đã không sai khác, sao thành Trì nghiệp?

Luận: Hư không dung chứa thọ sắc các pháp.

Nếu trong ngoài pháp đều có hư không gọi là biến, gọi là không, nhưng ngoài pháp có thì không gọi là dung chứa khắp, đã có thể hợp pháp đều có hư không, không tùy theo năng hợp, thể lẽ ra chẳng phải một.

Hỏi: Nếu có thể hợp pháp lại khó thành nhiều, lẽ đâu không tự giáo mà thấy trái ư? Cho nên trong kinh Phật Địa ghi: “Thí như hư không tuy có khắp trong các sắc, trong các loại tướng mà không thể nói có các thứ tướng, thể chỉ một vị, pháp giới Như Lai cũng lại như vậy”, ý trong kinh Giải Thâm Mật cũng đồng.

Đáp: Tánh hư không Đại thừa chẳng phải là có, chỗ không chất ngại giả gọi là hư không, vô pháp vô ngại nên biến khắp các sắc, tuy ở trong đó biến khắp sắc, vô tánh không đối, thể tánh không sai biệt, chỉ có một vị.

Hỏi: Ở sau nói hư không như thức lập, tại sao có thể tánh là không?

Đáp: Kinh ấy chỉ căn cứ không có chỗ chất ngại, tức gọi là hư không.

Hỏi: Làm sao để chứng biết?

Đáp: Trong kinh dùng hư không dụ tịnh pháp giới. Nếu lấy nương tựa Như sở lập hư không, năng sở dụ pháp lại không có khác. Lấy y thức biến, thức biến Hữu vi, không thể làm dụ, cho nên kinh ấy nói: Như giữa hư không các loại sắc tướng hiện sinh hiện diệt, nhưng hư không này vô sinh vô diệt. Như vậy trong tịnh pháp giới của Đức Phật, các biết biến hóa lợi ích các chúng sinh, sự hiện sinh, hiện diệt mà tịnh pháp giới

không sinh diệt, nên biết không lấy y thức biến vậy.

Luận: Các pháp lẽ ra xen nhau biến khắp.

Hỏi: Ý vặn hỏi thế nào?

Đáp: Họ chấp không là một, cùng với pháp hợp, trước vặn hỏi hư không tùy theo pháp năng hợp, thể lẽ ra thành nhiều, nay vặn hỏi năng hợp tùy theo sở hợp, thể hư không lẽ ra thành một. Nếu lại hổ tương biến khắp có thể gọi là thể một, nếu không biến khắp sao gọi là một? Lẽ ra lập lượng rằng: Pháp ấy, lẽ ra biến khắp pháp đây, chấp pháp thể kia đây là một, thể ấy lẽ ra như đây, cũng đồng Nhị Thập Duy Thức vặn hỏi lượng của hành v.v... không có thứ lớp.

Sớ: Nghĩa là biến hư không làm các ngại Vô sắc.

Pháp Vô sắc là tướng của các chướng ngại.

Sớ: Nhân của một thức Hữu lậu.

Như Nghĩa Đăng giải thích. Có thuyết nói, một thức Hữu lậu, chỉ có Thức thứ sáu, nhân Vô lậu hai thức là Diệu quán, Bình đẳng đối quả cứu cánh gọi là nhân, quả Vô lậu ba trí chỉ là Phật vị, nên gọi là quả.

Biện rằng: Tuy lý cũng thông, pháp sư đã là người nhập thất, cho nên y Nghĩa Đăng là chính.

Luận: Hiện tượng này giả nói là thường v.v...

Xét luận Hiển Dương quyển 18 nói, hư không Vô vi, là do tâm sở biến cảnh tướng tương tự cho nên lập là thường, chẳng phải duyên tâm ấy, cảnh giới ấy có khi đổi khác.

Hỏi: Thức biến Vô vi huân chủng sai khác ư?

Đáp: Độc ảnh từ kiến không huân chủng sai khác, rộng như trong Nghĩa Đăng biện rõ.

Có nghĩa huân sai khác, luận tự nói tùy phân biệt có các tướng hư không, sức thường tập, cho nên khi các tâm sinh tự hiện tướng Vô vi của hư không, nên biết huân sai khác thành chủng tử. Duyên sinh tướng này thật là Hữu vi, pháp sinh diệt trước sau tương tự, tự một thường v.v... nói là Vô vi không sinh diệt, nên gọi là giả.

Biện rằng: Tuy nói thường tập tâm sinh tự hư không, mà không nói huân chủng sai khác, rộng như trong Nghĩa Đăng phá.

Sớ: Đại chúng bộ v.v... nói có chín Vô vi.

Ba loại đầu thể đều là một vật, hiển có phần vị chẳng phải thể thành nhiều, kế hư không v.v... bốn tức bốn chỗ Vô sắc sở y, riêng có Vô vi là thuộc về diệt, muốn được diệt đây phải nương nó mới sinh diệt, năng y năm uẩn vi tế vốn là vô thường, bốn Vô sắc sở y là thường trụ.

Hỏi: Sắc giới vì sao không có?

Đáp: Do uẩn chẳng phải tế, cõi chẳng phải cực thắng, tâm năng y v.v... trên năng duyên dưới không chướng ngại. Vô sắc thì không như vậy, tâm không duyên ở dưới, đã có cách ngại, riêng có Hữu vi làm sở y. Chi tánh duyên khởi là pháp sinh tử, định sau vô minh mới sinh hành v.v..., các định hành trước có các vô minh, lý đây là một, tánh thường quyết định, các vô minh ấy là thuộc Hữu vi, lý là Vô vi, do sinh tử đây có lý sai khác cho nên hay bị ngăn ngại. Do đó trước vô minh, sau các hành khởi, tất cả tánh Thánh đạo hay lìa nhiễm, lý thường là một, Thức thứ tám nào sai biệt tự là sinh diệt, lý là vô thường, do có lý sai biệt hay bị ngại, nên nói quyết định thứ lớp sai biệt hay lìa các khổ. Căn cứ thật tất cả Thánh đạo đều như vậy, trong đây nêu thù thắng lại nói tám Thánh đạo.

Sớ: Hóa địa bộ có chín Vô vi, trạch diệt v.v... ba pháp ba thể đều là một, định chướng gọi động là tán động, do đoạn động này mà được Vô vi gọi là bất động, thiện v.v... ba thể Chân như đều một, tánh đều là thiện, chi đạo, duyên khởi đồng với Đại chúng bộ.

Sớ: Trong ba diệt lập vô thường diệt v.v...

Nghĩa là trạch, phi trạch, vô thường diệt gọi là ba diệt. Vô thường diệt là tướng diệt trong tướng Hữu vi, chẳng phải chỉ có trạch diệt, phi trạch diệt cả hai gọi là Vô vi, tức tướng diệt đây cũng thuộc Vô vi, do Vô vi này có thế lực cho nên khiến pháp dời đổi. Nếu không như vậy thì năng tướng sở tướng đều là Hữu vi, làm sao năng tướng khiến sở tướng diệt? Nên biết tướng diệt là Vô vi, như luận Bà-sa quyển 38 giải thích.

Lại xét trong Trí Độ luận quyển 42 nói, diệt có ba loại, nghĩa là trí duyên diệt, chẳng phải trí duyên diệt, vô thường diệt. Không nói vô thường diệt là Vô vi, vì Đại thừa Tiểu thừa sai khác.

Sớ: Đứng về thuyên, đứng về lý v.v...

Thuyên nghĩa là hiển bày, hay hiển ở pháp gọi là thuyên, không chỉ có danh mới gọi là thuyên. Ba tánh không đồng, lý từ thuyên cho nên phân ba loại, bàn lý là một, chỉ gọi là Chân như.

Sớ: Không có giải thích danh riêng.

Nhưng nói Vô vi không thành Lục thích, không kết riêng. Nếu nói hư không Vô vi v.v... đều thành Trì nghiệp, đều như số trước đã giải thích. Có nghĩa tướng thọ diệt ấy diệt thuộc tướng thọ, là Trì nghiệp thích, tướng thọ diệt Vô vi tức Y chủ thích, diệt nếu Vô vi diệt của tướng thọ, tức Y chủ thích, tướng thọ diệt Vô vi tức Trì nghiệp thích, y Bất động địa được Vô vi, bất động Vô vi cũng là Y chủ thích.

Biện rằng: Số giải thích là chính, lý đã không trái, có nghĩa cũng

được.

Sớ: Tức y giả thể đều có thể nói giả.

Y thức sở biến lập tám loại, tám loại đều giả.

Sớ: Thật cũng có thể như vậy.

Nếu y pháp tánh thì đều là thật.

Sớ: Không chương một pháp được nhiều Vô vi.

Lược có ba giải thích.

1. Lại như một tham có chín phẩm không đồng, đoạn một tham này chứng chín pháp Vô vi, Vô vi không có phẩm, đứng về sở đoạn mà nói nên gọi là nhiều.

2. Giải thích người ngoài vặn hỏi, ý vặn hỏi rằng đoạn tướng thọ v.v... đã được trạch diệt, vì sao mong ở đây lại gọi là bất động Vô vi v.v... ư? Không chương một tướng thọ các diệt này mà năng chứng được trạch diệt, bất động nhiều Vô vi.

3. Nêu đoạn một tham được nhiều Vô vi, chứng thọ v.v... đoạn mà lập trạch diệt, cũng được bất động nhiều Vô vi, giải thích sau là thù thắng.

Sớ: Không tự nói tương vi.

Trước hữu pháp nói năng thủ giác kia, sau lại nói cũng không duyên. Đã nói năng thủ sao không duyên pháp tánh sao gọi là năng thủ? Nên thành tương vi, lượng nêu lời ông nên không có lỗi này.

Sớ: Không trái tông.

Hữu pháp tông nói năng thủ sắc kia, sắc ngoài tâm kia, sắc pháp ngoài tâm tự tông chẳng phải có, lại chẳng phải tâm thủ, nay nói thủ pháp tánh nên trái tự tông, tông đặt lời của ông cũng không có lỗi.

Sớ: Lỗi hai chương ba trụ.

Có bản nói thông chính là viết lầm, quá nghĩa là lỗi lầm, lỗi của hai chương có khắp ba trụ.

Sớ: Có chỉ có chủng tử pháp chấp.

Như La-hán khởi pháp chấp, như trong Nghĩa Đăng có nói đủ.

Sớ: Lại nói đủ sở biến v.v...

Khi biến tợ ngã ắt biến tợ pháp, khi biến tợ pháp chưa chắc có ngã, nói cũng vậy cũng là hai chấp trước.

Luận: Duyên thức sở biến uẩn xứ giới v.v...

Hỏi: Đã nói sở biến, trong tám Thức thức nào là thức năng biến?

Trong truyện có ba giải thích:

1. Chỉ trừ Thức thứ sáu hiển bảy thức còn lại, sở biến của Thức thứ sáu tức thân sở duyên, văn sau nói riêng, khởi tướng tự tâm chấp

thành pháp.

2. Thông tám thức, tuy Thức thứ sáu biến là thân sở duyên, văn bản đầu đồng nói, sau mới nói thân sở duyên duyên, nên cũng không có lỗi.

3. Duy hiển ý Thức thứ sáu, do đây liền nói chỉ có thân sở duyên, đã là thân duyên, nên uẩn xứ giới chỉ là Hữu lậu, đồng với trước thủ uẩn, chỉ khai hợp khác nhau. Xác quyết rằng, nói thức sở biến, tức thân sở duyên, tại sao lại nói khởi tướng tự tâm? Do đây chỉ y sở giải là chính.

Sớ: Lại ngã chỉ có tổng chấp.

Chấp pháp tổng tụ dùng làm ngã.

Hỏi: Riêng chấp năm uẩn cũng là ngã ấy, sao được gọi là tổng?

Đáp: Tuy riêng chấp uẩn cũng được tên uẩn, lại như sắc uẩn hợp căn cảnh v.v... không đồng xứ giới, gọi là tổng cũng không có lỗi. Có thuyết nói, lại nêu tổng chấp, căn cứ thật có sai khác.

Biện rằng: Đây chẳng phải khéo giải thích, đánh mất ý của bản sớ. Nếu mỗi mỗi uẩn đều riêng chấp sai khác, bèn phân biệt ngã chẳng phải câu sinh chấp.

Sớ: Nhưng Thượng tọa bộ v.v...

Xét luận Bà-sa quyển 9 ghi: “Hoặc lại có chấp, tâm tâm sở pháp năng liễu tương ứng”, như Pháp mật bộ cho rằng, tuệ v.v... năng liễu tương ứng thọ v.v... Hữu bộ phá rằng:

Hỏi: Vì sao không biết tương ứng các pháp?

Đáp: Đồng một sở duyên đồng thời chuyển, nghĩa là một hữu tình tâm tâm sở pháp đối với một cảnh giới, đồng thời mà chuyển, lý không triển chuyển xen nhau duyên nghĩa, thí như nhiều người nhóm ở một chỗ, hoặc cùng nhìn xuống, hoặc cùng ngược lên, hiện tại ắt không thể cùng thấy mặt, tâm tâm sở pháp, cũng lại như vậy, nếu trí có thể biết tương ứng thọ, thọ ấy lại làm năng duyên tự thể chẳng? Nếu duyên tự thể, thì trước có nói lỗi duyên tự tâm, nếu không có năng duyên thì tâm tâm sở lẽ ra đồng thời khởi không đồng sở duyên, không có lỗi đây nên không thể biết tương ứng các pháp.

Sớ: Hóa địa bộ nói duyên cộng pháp.

Xét luận Bà-sa quyển 9 ghi: “Hoặc lại có chấp, tâm tâm sở pháp năng liễu cùng có”, như Hóa địa bộ nói như vậy: Tuệ có hai loại đồng thời sinh, một là tương ứng, hai là bất tương ứng. Tương ứng tuệ biết bất tương ứng, bất tương ứng biết tương ứng.

Biện rằng: Giải thích tương ứng v.v... biện đủ như trong Nghĩa

Đăng, nghi chữ “cộng” là lầm, chữ cộng lẫn lộn với chữ “câu”, do người chép lầm, hoặc nghĩa của “câu” và “cộng” tương tự, trong số lấy ý bàn nên chẳng phải lầm.

Hữu bộ phá rằng:

Hỏi: Vì sao không biết đều có các pháp?

Đáp: Vì rất gần nhau, như Trù Triêm lấy thuốc An-thiện-na để ở trong mắt, rất gần nhau nên mắt không thể thấy, đây cũng như vậy.

Sớ: Phương Tây nói tuệ đồng thời năm uẩn v.v....

Xét trong Bà-sa quyển 9 ghi: “Các sư phương Tây nói như vậy: Cùng các tuệ câu sinh các uẩn tương tục, tự thân nhiếp là câu hữu pháp”. Hữu bộ vặn hỏi rằng: Nếu vậy nhãn thức lẽ ra không thể lấy tự thân các sắc, các thức cũng vậy. Họ nói như vậy: Năm thức hay thủ cảnh trong tự thân, ý thức không có khả năng. Hữu bộ vặn hỏi rằng: Nếu vậy ý thức lẽ ra không thể thủ tất cả cảnh giới, lại thành phi lý. Hữu bộ tự nói: Tùy chuyển sắc này và tùy chuyển bất tương ưng hành này gọi là câu hữu pháp.

Biện rằng: Trong Hóa địa bộ nói phương Tây có hai nghĩa, đại khái giống nhau.

Sớ: Nói năm thức ý sắc căn v.v...

Giải thích lý do năm thức duyên câu sắc.

Sớ: Giả sử cảnh trí của Phật v.v...

Hỏi: Phạm phu tự chứng cũng đều tự biết, nên gọi là Phật?

Đáp: Phật trong một sát-na biết tất cả và tự tương ưng, phạm phu thì không như vậy, nên không gọi là Phật.

Sớ: Cảnh tâm kiến phần ắt đồng.

Đây là tổng hợp các lỗi, nghĩa là có người vặn hỏi rằng: Tâm tâm sở đều duyên tự kiến, tự kiến đã sai khác, tại sao tâm vương tâm sở gọi là đồng sở duyên, nên có lời đáp này.

Sớ: Nhưng mỗi mỗi tự chứng v.v...

Vả lại đồng thời tâm trừ thọ ra, khi cùng các tâm sở duyên thọ kiến, thọ tự chứng phần cũng duyên tự kiến, gọi là đồng sở duyên, không cần thọ kiến cùng các kiến phần đồng duyên thọ kiến mới gọi đồng duyên, duyên các tâm sở cũng lại như vậy.

Sớ: “Tự duyên ngăn ngại” đến “giải thích thứ hai”.

Trước tuy nhiều giải thích, giải thích sau thù thắng, nên chỉ thứ hai.

Luận: Lập vặn hỏi này v.v...

Có thuyết nói chỉ nêu ngoại đạo vặn hỏi, có nghĩa nêu chung hàng

Tiểu thừa, nếu không như vậy, vì sao trong phần vấn hỏi chung ở sau nói lại tạm nương việc chân mà lập? Lý ấy nếu không đúng, đây lập lại với ai? Đã có ở sau lập, rõ trước có vấn hỏi.

Biện rằng: Có nghĩa là thù thắng, Độc tử bộ thừa nhận có ngã, còn vô ngã khác cũng hữu ngã chấp hợp lại mà nói. Trong số chỉ nói, đây là Phệ-thế vấn hỏi, không nói chỉ có là ý cũng thông.

Sớ: Nghĩa vô sở thuyết giả nói.

Lập lại sở vô là giả, giải thích trước do giả nói ngã pháp, trong số có hai cách phán phân:

1. Giả ngã pháp thuộc về thuyết, nhưng mượn ngôn thuyết dùng làm ngã pháp.

2. Giả ngã pháp không ở lời nói để làm sở thuyết.

Nay chẳng phải cách phán phân thứ hai.

Sớ: Thế tợ pháp ấy cũng không thành.

Chánh vấn hỏi tợ không có.

Sớ: Vì tợ vô y.

Giải thích lý do, tông thuyết của ông tợ nương giả lập, sở y giả không có, tợ năng y cũng không có.

Sớ: Tức nghĩa y thế giả.

Đây là tổng kết nương thế giả mà làm vấn hỏi.

Sớ: Lại tợ sở biến đã không có v.v...

Do vì không chân thật, nên tợ không có.

Sớ: Giả năng thuyết chẳng có.

Lập giả sở biến tợ y, do tợ đã không có nên giả chẳng lập. Nói năng thuyết giả, tức giả ngã giả pháp thứ nhất ở trước, chỉ nương thuyết lập, gọi là năng thuyết.

Sớ: Tức có tợ thế giả sử giả.

Tổng kết nương hữu thế gượng lập vấn hỏi giả.

Sớ: Ngã pháp thế gian nêu tông thuyết không có.

Luận chủ nêu tông không có ngã pháp thế gian, cho nên người ngoài chỉ vấn hỏi Thánh giáo.

Luận: Họ vấn hỏi phi lý.

Biện rằng: Khoa phán phân đầy đủ như số. Lại nay khoa tổng phân làm hai:

1. Họ vấn hỏi phi lý, trước đó đã phá tổng quát Tiểu thừa và ngoại đạo.

2. Y các loại ở sau, riêng phá hai chấp, các chấp trong Độc tử bộ đã thừa nhận có ngã, nên làm khoa đây cũng lẽ ra không có lỗi.

Luận: “Y loại” đến “đều chẳng thành”.

Hỏi: Giả nươg loại và thật là ý người ngoài chẳng?

Đáp: Họ nói giả y tợ, cộng lập. Loại có tợ, cộng, như nói nhân loại, do người tương tợ mới được tên loại. Nghiệp con người phần lớn đồng gọi là cộng pháp. Do loại có tợ và cộng pháp này nên giả nươg loại. Lại thật cú lửa trong ngoài đều có, lửa trong thân tợ lửa ngoài thân, lập lửa cùng bên ngoài đồng có lửa đổ rục, cũng có tợ và cộng cho nên giả nươg thật, tức trong thân người có loại và thật này, cho nên nươg loại và thật mà nói người tợ lửa. Lại nươg tông chấp, phạm các giả thuyết đều nươg loại và thật hai câu nhiếp, chẳng phải chỉ có lửa giả.

Luận: Y luận giả nói lý lại không thành.

Đoạn sau riêng phá loại và thật, trong phá loại và thật đều phân tích tợ cộng, có nghĩa trước phá y loại tợ sự không thành, sau phá y thật cộng pháp không thành, văn tợ nói rõ. Nhưng các sư nói y loại y thật, đều phá chung, luận tợ sự cộng pháp, đây nhất định chẳng phải phi lý.

Biện rằng: Song phá định như vậy, chẳng phải phi lý. Luận phá loại rằng: Nếu không cộng đức mà giả nói luận ấy. Phá y thật rằng: Nếu cho rằng người lửa đức tương tợ v.v... Đây tức như thứ lớp phá cộng tợ pháp, vì sao nói phi lý? Nếu nói như thứ lớp nêu không có cộng, tợ để phá tợ cộng, lý cũng không như vậy. Văn đã nói rõ luận không có cộng tợ, vì sao không được gọi là phá cộng tợ, cho nên phải từ trước, phá cả hai là chính.

Luận: Người, loại, mạnh v.v... hiện kiến cũng có xen nhau lìa.

Đủ như trong số giải thích.

Hỏi: Ý người ngoài chống chế nói người, đở, mạnh mà tợ lửa, nhân loại đây cùng với đở v.v... đức không lìa nhau, không nói tất cả nhân loại mạnh v.v... đều không lìa nhau, đều tợ với lửa, vì sao các đức đều dùng các việc nghèo giàu trước sau để biện tương lìa mà thành vạn hỏi ư?

Đáp: Có thuyết nói, khi người khởi sân mặt đở tâm nóng vội, tạm nói là lửa, người kia nếu vui mừng mặt trắng tâm chậm rãi, tuy không đở rục, từng khởi đở rục cũng nói tợ lửa, tuy cùng đức lìa cũng nói tợ lửa, nên không được nói không lìa nhau nên mới tạm nói, đây cũng không đúng. Nói người tợ lửa, đều y ở hiện không đứng về từng nói. Nếu căn cứ đã từng nói không dứt tha chống chế, chống chế là ông nươg từng có danh thành giả, ngã căn cứ có thể gọi đó là không lìa nhau gọi đó là giả, đây cũng đâu có lỗi, nên biết không thể.

Biện rằng: Người nóng gấp, nhân loại cùng với đức có lìa không

lìa, nội đức không lìa, lửa mạnh bên ngoài đức cùng nhân loại xen lìa. Luận cứ ngoại đức rằng: Xen nhau lìa, mà nói cũng là do ngoài lìa đức, cũng bên trong không lìa đức đở mạnh. Luận nếu cứu là nương nội đức, lý cũng nếu không như vậy, có nội không ngoại lại không có cộng pháp, không nói cộng pháp nên lỗi đồng với trước nên luận không nói.

Sớ: Đây tổng kết chẳng phải đều có tỷ lượng, trong hai phá trước đều có lượng ấy, nay lược nói phá lượng đầu rằng: Ông nói loại cú, nhất định không nương đó mà lập ở lửa giả, vì không có cộng đức, cũng như nước v.v... phá lượng thứ hai, tông đồng với trước, nhân nói: Các đức đở rực xen lìa, cũng như nước v.v... càng suy nghĩ.

Luận: Lửa ở người không ở đức.

Hỏi: Người ngoài chỉ nói: Do người cùng đức lửa tương tự, nên nói người là lửa, không nói lửa ấy mà ở nơi đức. Nếu vặn hỏi về lửa là không ở nơi đức, đâu không tương phù.

Biện rằng: Các đức v.v... rộng như các luận biện rõ lý đều khó chống chế, nay giải thích thêm, nếu nói người và lửa đức tương tự ở sau lẽ ra có vặn hỏi chống chế mà luận rằng: Nếu căn cứ tương tự mà giả nói thì phải nói người và lửa mạnh các đức mà tự lửa đức không nên nói người tự lửa. Do người cùng lửa không giống nhau, họ chống chế rằng, vậy thật do trên người các pháp vội gấp dùng so sánh lửa, nói người tự lửa nêu người chọn đức, nên kể vặn hỏi rằng: Nói lửa ở người không ở đức, thế gian nói người tự lửa nói chỉ gọi ở người, không thuộc các đức mạnh mẽ trên người, luận văn ẩn bao quát mà không nói đủ.

Sớ: Đức là nhà thật đức có thể nương giả thuyết.

Đây lập theo. Đức là thật đức, mà nương ở đức tạm nói lửa, có thể thừa nhận nói tạm mà nương ở thật.

Sớ: Nay ở đức v.v...

Thế gian chỉ nói lửa ở người người chẳng phải thật đức, tại sao bèn nói tạm nương thật ư?

Sớ: Đây lại nương mượn người nói thật lửa.

Tạm hợp gọi là người, lửa là thật pháp, tức nương giả mà lập lửa thật, không phải nương thật lập lửa giả, lại trái bản chấp.

Sớ: Đã nói lửa ở người v.v...

Người đời nói lửa giả ở nơi người, tức do người giống gọi là lửa giả, chẳng phải do đức giống, đã nương ở người lập về lửa giả, người chẳng phải là thật, thì làm sao được nói giả nương thật lập?

Sớ: Trong đây có chống chế v.v...

Người ngoài vặn hỏi: Lửa có lửa đở rực gọi là lửa thật, có người

mạnh v.v... tợ lửa gọi là giả, thì ai nói lửa ấy mà nương đức lập? Lại vặn hỏi nói lửa không ở đức, nên kết lửa ấy rằng: Người và lửa đỏ mạnh chỗ nương đều khác, đã không có cộng đức nương đâu nói giả, không cộng giả nói lỗi như trước đã nói: Do đây v.v... vặn hỏi trước đã nói đủ nên không nêu.

Hỏi: Nếu người ngoài chống chế rằng: Cộng nói tương tợ, như Đại thừa của ông thức biến ngoại khí, tuy không đồng tương tợ gọi là cộng, không nói một vật suốt hai chỗ mới gọi là cộng.

Đáp: Lược có ba giải thích:

1. Lửa có đức mạnh, do người chẳng phải là thuộc thật cú, tại sao nói có ở cộng pháp mà giả nói ư? Nếu nói người nhóm họp, lửa nhóm họp trong hai pháp có đức tương tợ gọi là cộng, cũng là không thể, không chỉ y thật trong một tụ vì thông các pháp.

2. Do tợ gọi là cộng, cộng tợ không sai khác, tức nương hai pháp mà lập ở giả, tại sao trước nói y ba pháp lập, nên chống chế phi lý.

Sớ: Kế phá Tiểu thừa chiết phục vặn hỏi.

Tiểu thừa tuy lập chân v.v... ba loại, vẫn không nói rõ nên nói chiết phục. Đây căn cứ vặn hỏi trước không có thuyết Tiểu thừa.

Sớ: Tiểu thừa v.v... tự biện các việc chân.

Không thông ngoại đạo gọi là tự, tuy Tiểu thừa mà chẳng phải một loại chung quy đều là nội pháp, gọi là tự không có lỗi.

Sớ: Hoặc là ngoại đạo v.v...

Địa cứng hỏa nóng, như vậy tự tương tất cả pháp gọi là cùng thừa nhận, tuy là cùng thừa nhận giả cũng không nương ở đây v.v... mà lập.

Sớ: Chẳng phải nói cùng thừa nhận nêu bày thân người v.v...

Đây giải thích lý do lượng căn cứ tông khác, do tông Đại thừa không thừa nhận nhiều pháp thành tự tương ấy, rất nhiều pháp thành chỉ hòa hợp giả.

Sớ: Hiện giác như mộng v.v...

Trong Tát-bà-đa v.v... thừa nhận cảnh ngoại thức, cho nên làm vặn hỏi rằng: Nếu không có ngoại cảnh, đâu có giác đây, ta nay hiện chứng cảnh như vậy. Vì đáp vặn hỏi kia nên có bài tụng này.

Nói hiện giác là tâm hành giải tác chứng các sắc. Như mộng v.v... đây nêu dụ. Trong mộng cũng nói ngã kiến sắc v.v... cảnh các sắc lìa ngoài tâm không có, chẳng phải mộng hiện giác, cảnh cũng như vậy. Kiến và cảnh đã không, là chánh nêu bày ý vặn hỏi, luận sư đây không thừa nhận sáu thức đều khởi, nhãn v.v... năm thức tùy một duyên hiện, mà không phân biệt ta nay hiện thấy, sau hiện tác giải là Thức thứ sáu,

cảnh hiện lượng và tâm hiện lượng trước đều đã mất, lẽ nào thừa nhận có hiện lượng, khi khởi hiện giác, đã không có hiện thức, năng kiến cũng không, tại sao lúc này thừa nhận có hiện lượng chứng có ngoại cảnh?

Sớ: Nếu nói cộng tướng chỉ có quán tâm.

Đại thừa cộng tướng thể tánh là không, chỉ trong quán tâm tác giải cộng tướng, tóm ước hành giải đây gọi là cộng tướng, đủ như trong Nghĩa Đăng có biện rõ.

Luận: “Cũng chẳng phải lìa đây” đến “là giả sở y”.

Chép đủ như trong Xu Yếu, có nghĩa cho rằng thông với người ngoài vặn hỏi. Người ngoài vặn hỏi rằng, nếu nói nêu bày pháp không được tự tướng, tại sao gọi lửa liền được lửa v.v...? Nên đây thông, nghĩa là mượn trí nêu bày tuy không được tự tướng, cũng chẳng phải lìa ngoài tự tướng, riêng có phương tiện giả sử tự tướng vì mượn sở y, do nêu bày lửa gọi là thông suốt tập quán từ vô thủy, nương tự tướng của lửa mà không nương nước, mượn trí tùy theo gọi là chỉ duyên ở lửa, lại như mượn danh nêu bày tự tướng của pháp, tuy không xứng thật muốn nương tự tướng sở thuyên giả sử, giả trí cũng vậy, không lìa tự tướng vì giả trí sinh.

Hỏi: Đây tức giả nói ắt phải nương chân, tại sao phá tha?

Đáp: Tuy nương tự tướng không xứng sở y, cho nên không thể nói giả ắt nương chân.

Hỏi: Nếu vậy người ngoài nói ngã cũng như vậy, tuy giả nương chân cũng không nói năng mà gọi là chân?

Đáp: Việc chân của ông thừa nhận có ngoài thức, như trước rộng nói, ngã chỉ thức biến đâu được nêu bày tướng.

Biện rằng: Chẳng phải không có lý ấy, nhưng nương ý luận vốn giải thích là chính, cho nên trước luận nói, trí nêu bày không được tự tướng, văn đây liền nói cũng chẳng phải lìa đây. Nếu chẳng phải trí nêu bày đây thì ở đây là ai? Lại như tự tướng, tại sao tự tướng giả sử tự tướng. Lại giả sử là nghĩa lý do an lập phương tiện khéo léo, do tự tướng ấy an lập tự tướng vì mượn sở y, nghĩa cạn lại mê mờ. Lại tuy thức biến, bất biến có sai khác, mà giả nương thật là có lỗi lẫn lộn, cho nên nay không căn cứ.

Sớ: “Giả trí và thuyên” đến “nói là giả”.

Giả trí sở biến, giả thuyên sở thuyên, cùng pháp tự tướng mà tương tự nên nói trí nêu bày mà làm giả.

Sớ: Cho nên biết tướng chẳng phải sở y.

Là chẳng phải giả trí nêu bày thân sở y, chẳng phải là không thừa

nhận làm sở y.

Số: Nhưng duyên tự tánh sắc và nêu bày.

Duyên thù thắng sắc nêu bày sắc thù thắng.

Số: Không nghe thanh khởi trí so sánh.

Không thể nương thanh mà khởi trí so sánh. Nói không nghe thanh, chẳng phải như trẻ con hoàn toàn không nghe tiếng.

Số: Con chuột đây đời trước làm thức ăn cho mèo.

Hỏi: Trước làm người sau chết làm chuột, thấy các loài chim lẽ ra không nên sợ chạy?

Đáp: Do vì đời trước kia từng làm chuột, hoặc ở trong loài người từng nghe thấy, nên cũng sợ vậy.

Hỏi: Các loài chuột, lẽ nào đều được túc mạng trí biết được thức ăn của mình sao?

Đáp: Ý của nghĩa như thế, chẳng phải chắc các loài chuột khởi các tâm đây mới sợ chạy, chỉ vì đều ham sống mà nuôi dưỡng mạng sống.

Số: Tâm tâm sở pháp đây là ai duyên?

Căn trần chủng v.v... là tâm sở duyên, tâm biết tự tướng, tâm năng duyên sở duyên đây của ai? Ai năng duyên tự tướng của tâm đây?

Số: Nếu nói tha tâm trí năng duyên như các tâm tán loạn.

Hỏi: Tha tâm trí tức thuộc về thân thông, sao gọi là tán?

Đáp: Hơn nữa tha tâm trí lược có ba loại:

1. Như Lai, Địa thứ tám trở đi đã được định thông suốt không sai khác.

2. Hàng Nhị thừa từ Địa thứ bảy trở lại Bồ-tát đã được và hàng phàm phu tu được, nương định mà khởi, nhưng chẳng phải ngay định lại không đồng tán loạn.

3. Báo đắc, đây chỉ có tán tâm, nếu y định khởi gọi là chứng lượng, báo đắc thì không như vậy, do tha tâm có nhóm hợp chẳng phải chứng lượng, nên nói chẳng phải chứng chẳng phải nói tất cả, tha tâm chứng lượng nghĩa tức không khắp. Nếu tự chứng phần chứng lượng nghĩa đủ, nên trừ tha tâm mà lấy tự chứng.

Số: An Tuệ nói Phật tha tâm trí duyên.

Hỏi: Sư đây vì sao không thủ tự chứng làm năng tri?

Đáp: An Tuệ nói kiến phần biến kế không có tự thể mà chẳng phải là tâm, tâm tức tự chứng nên không tự tri, nhưng Phật có tha tâm liễu ngộ các tâm.

Số: Các pháp y tha nói một sắc v.v...

Chẳng phải nói cộng tướng là pháp y tha tánh hữu thể, ý nói rõ cộng tướng do nương trên pháp hữu thể mà khởi, gọi là nương hữu pháp.

Sớ: “Và ở trong đây” đến “tướng đây là không”.

Tướng tâm sở năng biến kế đây tăng, đồng ở cộng tướng thể cũng là không, nên nói “và”.

Sớ: Tâm biến cộng tướng, ngoài ấy có tự thể.

Ngoài nghĩa là bản chất.

Sớ: Nhấn đến duyên ngã v.v...

Hỏi: Tức uẩn chấp ngã nên nói là thật hợp danh ấy có tự thể, là uẩn chấp ngã sao làm thể bên ngoài?

Đáp: Cũng nương danh giáo mà khởi chấp nên cũng gọi là hữu.

Sớ: Hoặc duyên riêng v.v...

Tuy không có chất nhưng tướng không đâu không đến nương ngôn giáo, cũng được gọi là có hợp duyên.

Sớ: Lại giải tức cộng tướng biệt duyên v.v...

Hỏi: Trước nói cộng tướng chỉ là quán tâm không có thể tánh khác, đây tại sao lại nói cũng y tha?

Đáp: Thông khắp các pháp gọi là cộng tướng, đây thật quán tâm hành giải nào khắp? Nay bàn pháp của tâm sở duyên đây là tướng y tha, nếu không như vậy thì tâm duyên đây sao làm cảnh? Nhưng tướng phần đây thật không thông khắp, chỉ là quán tâm khởi các cách hiểu khác, do đây trước sau cũng không trái nhau, lại có nhiều phương ngại, như trong Nghĩa Đăng có nói rõ.

Sớ: Lẽ ra không có năng duyên hai ba Đế v.v...

Hai với hai, ba với ba, nhấn đến bốn hợp để duyên đế, cho nên nói như vậy, đây tức hoại duyên bốn Đế quán.

Sớ: Như trong Phật Địa có ba cách giải, như Khu Yếu đã dẫn, trong số phần sau cũng nói rõ.

Sớ: Đây chẳng phải văn của An Tuệ.

Trong kinh tụng đã nói thức sở biến là tức kiến tướng phần, thể ấy chẳng phải không có, An Tuệ nói hai phần thể tức không có, cho nên biết chẳng phải, và kết văn Trường hàng cũng chẳng phải An Tuệ.

Luận: Nhiều dị thực tánh.

Lẽ ra nên làm bốn câu, có dị thực chẳng phải nhiều, nghĩa là nghiệp sở cảm trong sáu thức có gián đoạn nên không gọi là nhiều; có nhiều chẳng phải dị thực, nghĩa là Thức thứ bảy tánh hữu phú, đều chẳng phải ngay trong sáu thức chẳng phải nghiệp chiêu cảm. Câu đồng

thời thứ tám, ngăn ba câu khác nên nói nhiều.

Sớ: Rộng hẹp việc gì ngăn không nói.

Dù khiến rộng hẹp nào có trái sự, ngăn không nói.

Sớ: Trong đây ý nói v.v...

Hỏi: Tại sao ý phải đứng về vị huân tập lại chọn lấy dị thực?

Đáp: Do trước người ngoài vặn hỏi nếu không có thật ngã, tại sao thế gian và các Thánh giáo nói có ngã pháp, trước đáp họ rằng, khi ngã pháp huân tập các thức sinh biến tợ ngã pháp, vì đây nên thủ huân tập thức vị.

Luận: Liễu cảnh tướng thô.

Lẽ ra nên làm bốn câu, có liễu cảnh chẳng phải tướng thô tức Thức thứ bảy, thứ tám; có tướng thô chẳng phải hữu cảnh, tâm sở sáu thức, có đồng thời chẳng phải là tâm sở của Thức thứ bảy, thứ tám; có đồng thời là thứ sáu tâm vương vừa liễu vừa thô.

Sớ: Sáu thức không chung nghĩa.

Lựa chọn Thức thứ bảy, thứ tám, năm nghĩa trước đều đối với Phật quả duyên ở cảnh tế trong sáu thức nói rõ.

Sớ: Tên gọi này chỉ mong hiện quả làm danh.

Nhân năng biến chỉ đối với quả sở sinh hiện hành mà nói.

Sớ: Chủng và hiện hành này dẫn sinh.

Giải thích chủng đắc danh, lý do quả biến.

Sớ: Không do Đẳng lưu sở biến v.v...

Tức tập khí này có nhân có quả, trong luận chỉ nêu nhân tập khí để hiển bày thể, không nêu quả mà biện thể.

Sớ: Nghĩa hiển bày sở sinh v.v...

Thích luận nêu nhân không nói ý quả.

Hỏi: Bốn ý muốn nói quả sở sinh thông tám thức v.v... sao không nêu quả để nói thẳng mà nêu nhân phương tiện hiển bày?

Đáp: Nếu nêu nhân kia, hiển bày tập khí đây cũng có nhân sinh, hiển bày sở sinh thông tám thức v.v... lại có thể hiển bày tự mình cũng có thể làm nhân, nếu nêu thẳng quả, sợ nghi tập khí không từ nhân được, vì bao hàm nhiều nghĩa nên nêu nhân ấy, tập khí dị thực cũng chuẩn theo đây mà biết.

Sớ: Lưu nghĩa là lưu loại.

Có thuyết nói Đẳng nghĩa là tương tợ, đã hiển bày loại đồng. Lưu là nghĩa lưu chú, quả từ nhân khởi, nhân sở lưu nên gọi đó là lưu, vì lưu của đẳng, cũng là Y chủ thích. Hoặc quả sở sinh cùng nhân nhân tương tợ gọi đó là đẳng, từ chỗ khởi kia gọi đó là lưu, đẳng đây tức là lưu, là

Trì nghiệp thích, cho nên luận nói do quả tự nhân gọi là Đẳng lưu.

Sớ: Nêu nhân năng huân.

Hai nhân tập khí, thể là năng huân, gọi là nhân năng huân, năng huân tức là nhân.

Sớ: Không nói ngã kiến huân tập v.v...

Hỏi: Tập khí dị thực lẽ nào khác ngoài Đẳng lưu tập khí có mà nói sai khác?

Đáp: Chủng tử thiện ác sinh tự hiện chủng gọi là Đẳng lưu, có các duyên trợ cảm sau dị thực tức gọi là dị thực, tuy thể không khác riêng có khả năng thù thắng nên khai ra làm hai, ngã kiến huân tập, phương đây không giống cho nên không thể nói, do dị thực đây ắt là Đẳng lưu, tự có Đẳng lưu không gọi là dị thực, tức Vô ký chủng và thiện ác kia không chiêu lấy quả.

Sớ: Ba cõi đủ bao nhiêu v.v...

Dục giới Đẳng lưu có đủ ba tánh, dị thực hai tánh, hai tánh Đẳng lưu trong hai cõi trên, dị thực chỉ có một, không đâu mà không thiện.

Sớ: Chưa biết sinh những gì?

Tức luận nói tám thức sinh là đáp sinh gì. Nói làm nhân duyên gì là đáp tại sao sinh, gọi là Đẳng lưu là đáp khởi quả gì. Ở sau dị thực quả cũng chuẩn theo đây nên biết.

Sớ: Các pháp cũng vậy.

Tâm sở thứ tám gọi là các pháp khác.

Sớ: Nếu vậy, tức chân dị thực.

Hỏi: Xét luận kia ghi: Thức a-lại-da tương ứng thọ ở tất cả thời, chỉ là không khổ không vui, chỉ là dị thực sinh, không nói thể thức cũng dị thực sinh, nói dị thực sinh, lẽ nào không trái với luận?

Đáp: Thọ tương ứng đã là dị thực sinh, thức từ nó quyết định đồng, nên luận không nói.

Sớ: Nay trong năm nghĩa lấy nghĩa thứ nhất.

Hỏi: Chuẩn theo ý trước nói gồm có sáu nghĩa tại sao nói năm?

Đáp: Ý nói dị thực đối dị thực sinh, trong sáu nghĩa, thứ ba chẳng phải dị thực sinh lại chẳng phải dị thực, cho nên trừ một chỉ nói năm nghĩa.

Sớ: Nay nói tánh Viên thành.

Lược có hai giải thích:

1. Đoạn lớn thứ hai nói rộng tánh tướng, đối trước lược nêu, nên gọi là nay.

2. Chữ “nay” là lầm, lẽ ra là chữ “chẳng”, rõ ràng ban đầu nêu

một bài tụng trong nửa bài tụng, không nói viên thành, giải thích trước là thù thắng.

Sớ: Ban đầu lược giải ba đoạn, sau rộng phân biệt.

Ban đầu lược nói ba tướng, sau rộng giải nhân tướng. Sớ nói văn sau rộng giải ba tướng, đây quyết định phi lý, văn sau tự nói tất loại tương ứng lại phân biệt, không nói nên lại nói rộng ba tướng.

Biện rằng: Do tổng thanh kia riêng chuyển, trong Thánh giáo nói thừa nhận chủng tướng tức là một trong ba, cũng đâu có trái.

Luận: Tạp nhiễm xen nhau làm các duyên.

Hỏi: Nếu năng tàng tức gọi là Lại-da, chân tánh Tăng-khư lẽ ra là thể của Lại-da, vì thừa nhận năng tàng chẳng?

Đáp: Năng sở tàng kia không có khác nên không gọi là Lại-da, cho nên Nhiếp Đại Thừa quyển 1 nói, chẳng phải như trong đại đồng hiển rõ pháp tàng tánh tối thắng, thức A-lại-da nhiếp tàng các pháp, cũng lại như vậy.

Giải thích: Họ chấp minh tánh có công năng tối thắng gọi là tàng tối thắng, đại v.v... các pháp quả tướng hiển chấp danh liễu pháp tánh, nếu khi chưa biến, ở trong minh tánh, không khác minh tánh, nếu đã biến dịch cũng lại không lìa, minh tánh làm nhân, đại v.v... làm quả, nhân quả đồng thể để rõ nhiếp tàng, nay lập Lại-da nhiếp tàng nhân quả, nhưng chẳng phải tức là khác nên không đồng luận. Lại năng sở tàng trong truyện có ba giải thích:

1. Thức thứ tám hiện hành cùng sở trì chủng xen nhau làm hai tàng, nghĩa là hiện trì chủng, chủng gọi là sở tàng, hiện hành gọi là năng tàng, chủng sinh hiện thức, thức gọi là sở tàng, chủng là năng tàng.

2. Ban đầu hiện hành năng biến cùng các chuyển thức xen nhau làm duyên khởi gọi là năng sở tàng, bản thức làm nhân, bầy thức là quả, bầy thức làm nhân, bản thức là quả, sở tàng làm nhân, năng tàng làm quả.

3. Do chủng mong hiện năng huân bầy thức gọi là năng sở tàng, từ bầy thức sinh, vì năng sinh nó.

Có nghĩa xác quyết rằng, nhưng nay ý luận y Thức thứ hai, luận chủ ở giải thích sau thích. Kinh Đạt-ma ghi: Ý bài tụng nói A-lại-da thức cùng các chuyển thức xen nhau làm nhân quả, cho nên chỉ nên nói dùng hiện mong hiện gọi là năng sở tàng, nói là nhân quả. Lại trong phá sớ nói: Năng tàng chỉ lấy nghĩa hiện thức năng trì chủng, điều này không đúng, luận nói năng tàng hiển là nhân tánh, không thể hiện thức

cùng sở trì chủng làm nhân duyên, sau nói hiện thức năng trì chủng nên gọi là nhân tướng, do năng sở trì thể không khác, năng sinh các pháp, nói hiện mong hiện gọi đó là nhân, chẳng phải nói năng trì mong sở trì chủng gọi là nhân. Lại năng sở tàng đều thông chủng tử hiện hành, vì không có tự thể khác.

Biện rằng: Tuy có xác quyết đây, lý cũng khó nường, hiện mong ở hiện nhân duyên làm sao lập? Hiện không thân năng sinh đối với hiện, nếu nói chẳng phải nhân, do có lực ấy cùng tên gọi của nhân là hiện mong ở chủng sao không thừa nhận? Lẽ nào hiện mong chủng không có lực ư?

Lại trong giải thích nhân tướng của số, tự xác quyết ba tướng đều thông chủng hiện, tự đã chính mắt thấy việc gì phải phân tích? Còn nhiều phân biệt khác như Nghĩa Đăng biện rõ.

Hỏi: Vô lậu tịnh chủng cũng nường Thức thứ tám, hiện tịnh nhân sinh lại huân thành chủng, Thức thứ tám mong hiện sao chẳng phải hai tạng chỉ nói tạp nhiễm?

Đáp: Năng nhiếp làm nhân, sở nhiếp làm quả, chẳng phải năng sở trị được làm nhân quả, cho nên không lấy.

Hỏi: Nếu Lại-da lẽ ra chẳng phải tịnh y?

Đáp: Là tăng thượng duyên, vì y không hẹp.

Hỏi: Các Hữu lậu thức trừ sinh Thức thứ tám, các Hữu lậu chủng chẳng phải tám nhân quả sao gọi là hai tạng?

Đáp: Các Hữu lậu chủng bản thức sinh đồng, vì không có thể khác, chuyển thức cùng Thức thứ tám được xen nhau làm duyên, vì chung Hữu lậu nên không nêu bày.

Số: Lại lìa hai, không có tổng v.v...

Hỏi: Hai giải thích vì sao khác?

Đáp: Trước đứng về nhân quả, sau căn cứ thể nghĩa, nên phân làm hai giải thích.

Hỏi: Trước chung tự thể, lìa nhân quả không có, vì sao thứ hai mới nói lìa hai không có tổng biệt ư?

Đáp: Sự thật có hai giải thích, thấy đều riêng bên ngoài mà không có tổng, đứng về môn phân làm hai, nêu sau hiển trước cũng không có lỗi.

Số: Nhưng nhân quả chủng hẹp, chủng làm quả tướng, quả tướng chủng hẹp, chỉ có nghiệp chiêu cảm mới gọi là quả, tức là Thức thứ tám thân gần danh ngôn chủng là quả chủng thể, nói chỉ có nghiệp quả là giải thích lý do.

Số: Kinh bộ chấp trong sắc căn có tâm tâm sở v.v...

Xét luận Du-già quyển 51, y nghĩa Kinh bộ lập nhân duyên rằng: Lại nữa nếu các sắc căn, và tự đại chủng, chẳng phải tâm tâm sở chủng tử tùy theo. Nhập diệt tận định, nhập định vô tướng, sinh cõi trời Vô tướng, sau đó không có các thức lại sinh, nhưng lại sinh, thế nên phải biết tâm tâm sở pháp chủng tử tùy theo sắc căn, lấy đây làm duyên thức được sinh lại. Lại nữa nếu các thức chẳng phải sắc chủng tử tùy theo, là sinh cõi Vô sắc dị sinh, từ thọ tận nghiệp tận ấy mất rồi sinh lại lúc sau. Sắc không có chủng tử lẽ ra không sinh lại, nhưng ắt sinh lại, thế nên phải biết các sắc chủng tử tùy theo ở thức, lấy đây làm duyên sắc pháp lại sinh.

Số: Hiện hành mong chủng sai, chẳng phải đều có nhân.

Hỏi: Hiện hành mong chủng sở huân kia sao chẳng chung nhân?

Đáp: Mong sinh hiện chủng không vọng hiện hành chủng sở huân, lại nói Thức thứ tám, Thức thứ tám không huân nên mong chủng sai, không biện các thức, nên không có lỗi.

Số: Như bốn tướng Tiểu thừa.

Tiểu thừa mong bản pháp chỉ là có mà chẳng phải là nhân, đồng hiện mong chủng nên dẫn làm dụ.

Số: Nay ở có thể ở trong làm nhân biện rõ trì chủng.

Trì chủng nhân nghĩa trong sáu nhân có thể thuộc nhân, có thể làm rộng.

Số: Lại cũng làm chủng thanh tịnh.

Thức đây có thể làm thanh tịnh chủng y gọi là thanh tịnh chủng.

Số: Do tự chứng phần chỉ có ba nghĩa.

Nhân, quả, thể cả ba gọi là ba nghĩa.

Luận: Tất cả chủng tương ứng lại phân biệt.

Hỏi: Tập khí dị thực làm nhân tướng chẳng? Nếu vậy tại sao nói sinh tự quả, không phải tại sao quả gọi là dị thực?

Đáp: Trong truyện có hai giải thích:

1. Nhân tướng, luận nêu thân sinh hiển bày nghiệp chủng.

2. Chỉ lấy Đẳng lưu tập khí, cho nên nay đây nói thân sinh tự quả, dị thực nhân quả y nghĩa biệt mà nói.

Biện rằng: Ý của quán luận giải thích sau là thù thắng, tìm luận có thể hiểu.

Luận: Thể dụng nhân quả lý lẽ ra như vậy.

Trong Nhiếp luận chỉ có mong thể dụng để nói rõ, trong Du-già chỉ căn cứ nhân quả để biện, luận đây gồm đủ. Trong Nhiếp luận ghi:

“Trong A-lại-da thức các tạp nhiễm phẩm pháp chủng tử, làm biệt dị trụ, vì không có biệt dị, chẳng phải chủng tử ấy riêng có vật thật trụ ở trong đây, cũng chẳng phải không khác”. Vô Tánh luận quyển 2 giải thích rằng: “Tất cả chủng tử là A-lại-da có công năng sai khác, như pháp khởi dụng, cùng thể các pháp, chẳng phải một chẳng phải khác, đây cũng lại như vậy”. Du-già quyển 52 ghi: “Chủng tử tại sao không chia chẻ các hành riêng có vật thật gọi là chủng tử, cũng chẳng phải chỗ khác”. Nhưng tức các hành chủng tánh như vậy, đồng sinh như vậy, an bố gọi là chủng tử, cũng gọi là quả, quả cùng chủng tử không tạp loạn nhau, nếu mong về các hành quá khứ tức đây gọi là quả. Nếu mong về các hành vị lai, đây tức gọi là chủng tử, mong về các pháp ấy không thể quyết định nói tướng khác không khác, cũng như Chân như”.

Sớ: Đây tức Đế chỉ có.

Chỉ có ở Tục đế gọi đây là chỉ có, không mong về giả thật gọi là chỉ có.

Sớ: Đây là thật chỉ có, là chỉ có ở tục đế chủng có thể nói thật, Thắng nghĩa tức trái.

Sớ: Đây Du-già tổng hợp ở đây v.v...

Hỏi: Có thể hiểu nó, tại sao thêm kia mà tổng hợp ở đây ư? Tôn ty trước sau tạo luận có sai khác, lại họ có trái gì mà đợi tổng hợp?

Đáp: Trợ giúp người học kia là hiển giáo không trái cho nên thành tổng hợp chung, luận ấy nói chủng chỉ có ở Tục đế, Tục đế đối chân gọi là giả, luận đây nói thật lẽ nào không trái nhau? Nay hiển bày luận kia đối một Chân đế, luận đây thì không như vậy, hai luận mong sai, cho nên không trái.

Sớ: Cũng chẳng phải kiến phần.

Không nương kiến phần gọi chẳng phải kiến phần, do sư Hộ Nguyệt thừa nhận chủng y kiến phần, vì khác với nó nên nói chẳng phải kiến phần.

Sớ: Không thể kiến phần ban đầu thọ các huân v.v...

Lập ngăn người khác chấp thọ huân.

Sớ: Ẩn khí sắc không luận.

Vô sắc kiến phần duyên khí giới cõi dưới, Du-già ẩn chỉ nói duyên chủng.

Sớ: “Xưa tương truyền” đến “chỉ có ba phần”.

Do vì tự chứng làm năng duyên nên y kiến phần, kiến phần không thừa nhận duyên ở chủng tử không y tự chứng, phần thứ tư kia không là thứ ba riêng có thể tánh, nên chỉ có ba phần. Có thuyết nói, chủng của

Hộ Nguyệt không có tự thể khác, chỉ nương trên thức Lại-da công năng giả nói chủng tử, cho nên tự chứng phần khi duyên kiến phần cũng gọi duyên chủng, không có tướng khác cho nên chẳng phải sở duyên của kiến. Lại có thuyết nói, y tâm tự thể nên tự chứng duyên.

Hỏi: Sự này chủng tử thuộc về phần nào?

Đáp: Có ba thuyết:

1. Tức tự chứng phần thâm nhiếp nhiếp, do giả nói pháp ấy không thật thể nên chuẩn theo giải thích thứ hai.

2. Là nói kiến phần thâm nhiếp nhiếp, vì cảnh tự chứng, thuận sở đã nêu bày.

3. Tuy nương tự chứng mà lập cũng thuộc về kiến phần, vì tự chứng duyên, thuận giải thích thứ ba.

Biện rằng: Đã không nói giáo hơn kém thật khó xác quyết, mặc tình lấy bỏ.

Luận: Nhân quả đều là các thiện tánh.

Hỏi: Đã tùy nhân quả để phán phân ở tánh, nên tùy theo nhân quả có nhiều sai biệt?

Đáp: Có thể như vậy, cho nên luận Du-già quyển 96 ghi: “Trụ tự tánh giới, nghĩa là mười tám giới tùy theo tự tương tục, mỗi mỗi đều quyết định chủng tử sai biệt. Tập tăng trưởng giới, nghĩa là các pháp hoặc là thiện ác ở trong các loài, trước đã thường tập khiến pháp hiện hành, cho nên thời nay chủng tử càng thanh nương theo tương tục do đây làm nhân, tạm gặp duyên nhỏ lại có thể hiện khởi định không thể chuyển. Lại nữa, tuy giới chủng loại mười tám giới có thể được, nhưng mỗi mỗi giới nghiệp thú hưởng hữu tình các thứ phẩm loại có sai khác nên phải biết vô lượng”. Ba tánh đều có nhiều loại sai biệt.

Luận: Các loại Vô lậu.

Hỏi: Đã chẳng phải dị thực thức tánh nhiếp, nương nghĩa Hộ Pháp là thức phần chẳng?

Đáp: Trong truyện có hai thuyết:

Một là tướng phần thâm nhiếp.

Hỏi: Nếu vậy Thức thứ tám lẽ ra duyên chủng đây?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Thừa nhận duyên không có lỗi, giải thích này không đúng.

2. Không duyên, chỉ nói kiến phần thân sở duyên đều gọi là tướng phần, không nói các tướng đều hiển sở duyên.

Hỏi: Nếu vậy không duyên, nên chẳng phải chỉ có thức?

Đáp: Không là thức cho nên chỉ có thức, không trái.

Hỏi: Giả sử thừa nhận duyên nó lại có lỗi gì?

Đáp: Nhân vị thứ tám chỉ là Hữu lậu, chẳng phải tướng của tâm Hữu lậu sở duyên là chân Vô lậu, vì đây không duyên.

Hai là đã chẳng phải kiến duyên y tự chứng phần thuộc tự chứng phần, hoặc đến Vô lậu mới thuộc tướng phần vì tịnh kiến duyên.

Xác quyết rằng: Giải thích trước là thù thắng, tuy ở nhân vị chẳng phải kiến sở duyên, là tướng phần, từ các tướng phần khác, tướng phần sở nhiếp.

Luận: Tuy gọi dị thực, mà chẳng phải Vô ký v.v...

Hỏi: Y dị thực nên gọi là dị thực, y Vô ký nên gọi là Vô ký?

Đáp: Đúng vậy, trước nói chỉ có thiện đứng về tự tánh tự quả mà nói.

Biện rằng: Không đúng. Nghĩa dị thực rộng, Vô ký thì hẹp, cho nên không cùng nêu bày. Lại nói thiện là nghĩa của thể thù thắng, không thể thắng thiện, từ nơi sở y lập gọi là kém, không đồng Hữu lậu, Hữu lậu cùng y tánh loại đồng.

Sớ: Đây trừ Phật vô lậu v.v...

Phật chủng không nương dị thực thức. Lại năm căn của Phật cũng là thiện, lấy dụ không thành cho nên trừ, thức năng y cùng nhãn sở y mà tánh không đồng, chủng và dị thực, nghĩa ấy cũng vậy, nên nói đồng.

Sớ: Ba nhà không tranh cãi v.v...

Tân huân, bản hữu, tân cựu hợp dụng gọi là ba nhà, nhà bản hữu kia tuy không thừa nhận sinh, nhưng huân tăng trưởng mà cũng thừa nhận, cho nên thông cả ba.

Sớ: Nghĩa của Hộ Nguyệt cũng gọi là Nguyệt Tạng.

Luận: Như ác-xoa tụ.

Trong một tụ, pháp nhĩ có nhiều phẩm loại. Tây Vực có loại này, người ta dùng để nhuộm và lấy dầu của nó, cho nên trong luận Du-già quyển 96 ghi: “Nhưng mỗi mỗi giới phẩm loại có sai khác, tuy nói là một mà có vô lượng loại”, ý của sớ có sai khác chút ít, như Du-già sao mà hiểu.

Sớ: Lại quyển thứ ba kể văn trước.

Du-già quyển 2 nói các trên chủng tử sở huân, nói các hữu tình có không Niết-bàn, từ đây sinh xuống.

Sớ: Ban đầu chỉ có một.

Hỏi: Bản hữu từ vô thủ đầu được nói ban đầu?

Đáp: Căn cứ bản gọi là sơ, như một tâm tham vốn chỉ một loại, chủng này sinh hiện, hiện hành diệt rồi trở lại tự loại thứ lớp dẫn sinh,

đến Đối trị đạo chủng mới vĩnh viễn đoạn, cho nên không có lỗi đoạn trong tạp loạn.

Sớ: Chẳng phải Vô lậu năng huân cũng mới có.

Vị Vô lậu chưa có thể khởi, nên không được nói năng huân Vô lậu cũng có từ vô thí.

Sớ: Chẳng phải hoa không huân v.v...

Chẳng phải là khí hoa không xông ướp dầu mè đen, hương thơm dầu mè đen tự vốn có.

Luận: Nói nghe huân tập v.v...

Xét trong Vô Tánh luận quyển 3 ghi: “Lại nữa làm sao tất cả chủng tử dị thực quả thức làm nhân tạp nhiễm, lại làm năng đối trị xuất thế tịnh tâm chủng tử ấy lại là tâm xuất thế, xưa chưa từng huân tập, cho nên huân tập ấy quyết định lẽ ra không có”, đã không huân tập, từ chủng nào sinh? Thế nên lẽ ra đáp, từ pháp giới tối thanh tịnh đẳng lưu chánh pháp, nghe huân tập chủng tử phát sinh.

Giải thích rằng: Chư Phật pháp giới hằng lia tất cả chương khách trần, cho nên gọi là tối thanh tịnh. Nghĩa là từ pháp giới phát khởi giáo pháp gọi là Đẳng lưu, không đảo lộn nghe tiếng giáo pháp như vậy nên gọi là chánh văn, nương chánh văn đây phát khởi huân tập đây gọi là huân tập, đây tức huân tập hay sinh tâm xuất thế Vô lậu gọi là chủng tử, chủng tử như vậy chẳng phải A-lại-da vì chưa từng được, các văn còn lại nên rõ.

Sớ: Năm mươi hai Chân như sở duyên duyên chủng tử sinh.

Xét trong luận ấy ghi: Các pháp xuất thế gian từ chủng tử nào sinh? Nếu nói thô trọng, tự tánh chủng tử sinh không hợp đạo lý.

Đáp: Các pháp xuất thế gian từ Chân như sở duyên duyên chủng tử, chẳng phải tập khí ấy tích tập chủng tử phát sinh.

Giải thích rằng: Trong truyện Thiên Trúc lược có ba giải thích:

Một là chỉ có tông tâm huân, luận sư Thắng Quân tự có hai giải thích:

1. Chư Phật Bồ-tát do chứng Chân như, triển chuyển lưu xuất mười hai phần giáo. Kiến đạo trở về trước, thắng giải hành địa duyên kinh giáo ấy làm sở duyên sinh, từ gốc thành danh, danh từ Chân như sở duyên duyên sinh.

2. Sơ địa xuất thế Thánh đạo: Một là từ Thế đệ nhất pháp là tăng trưởng vô gián hai duyên mà sinh; hai là từ Chân như sở duyên duyên sinh.

Hai bản hữu tông, luận sư Hộ Nguyệt cũng có hai giải thích:

1. Bản hữu Vô lậu chủng tử làm tăng thượng duyên, Chân như làm sở duyên duyên, thuận giải thoát các thiện căn được sinh.

2. Bản hữu Vô lậu chủng tử làm nhân duyên Giải thoát phần làm tăng thượng duyên, pháp Thế đệ nhất làm Vô gián duyên, Chân như làm sở duyên duyên, pháp hàng Sơ địa xuất thế gian được sinh. Luận theo duyên sau, ẩn trước không nói, nghĩa là từ Chân như sở duyên duyên sinh.

Ba là tân cựu hợp lại, luận sư Giới Hiền giải thích, cùng sư thứ hai nghĩa ý đồng. Lại có đồng dị, đủ như trong số sao kia.

Sớ: Nghĩa là cùng các thức làm hai duyên tánh v.v...

Như trong Nghĩa Đăng có chép đủ.

Sớ: “Ông nói các pháp” đến “đều một chủng sinh”.

Sư tông bản hữu tự có hai cách giải, đây nêu lại giải thích đầu. Ý của giải thích đầu cho rằng, thiện ác hai nghiệp là nhân dị thực, dị thực và nhân cùng một chủng sinh, đây có một vấn đề, như văn có thể hiểu.

Sớ: “Lại nếu ông nói” đến “mỗi loại một chủng”.

Lập lại cách giải thứ hai. Ý giải thích này cho rằng, ai nói dị thực cùng nhân thiện ác chỉ một chủng? Ở trong đây giải thích vấn đề có hai, như văn dễ biết.

Sớ: Giả sử cùng tân huân v.v...

Đây vốn có vấn đề, ý vấn đề rằng, ta nói bản hữu, tức khiến thiện ác cùng dị thực quả làm nhân duyên, ông cùng tân huân, lẽ nào là tân nghiệp mong tân dị thực làm nhân duyên ư? Đây đã không đúng, họ làm sao bảo đúng được.

Sớ: Nhưng quán bản ý, giải thích sau là chính.

Nghĩa của sư bản hữu tuy có hai cách giải, giải thích trước nêu bày, giải thích sau là chính.

Sớ: Lẽ ra các hiện hành huân tăng trưởng.

Chánh vấn đề chuyển thức, mong Thức thứ tám không gọi là nhân duyên, chỉ huân tăng trưởng đồng với nghiệp.

Sớ: Bản hữu chủng đây dùng tự loại làm nhân duyên.

Chánh nghĩa tự nêu bày.

Sớ: “Đã vậy” đến “tân huân sinh”.

Sư bản hữu vấn đề, ý vấn đề có thể hiểu.

Sớ: Nhưng do sinh chủng loại đồng v.v...

Chánh nghĩa giải thích cựu chủng sinh chủng loại đồng, tân chủng sinh ở hiện hành được gọi là nhân duyên, nhưng căn cứ Hộ Pháp tân cựu

hợp sinh. Nay lại tùy theo chứ không phải chánh đáp.

Sớ: Không đồng chỉ có bản hữu.

Tân cự đều có, lấy cự để làm loại cho tân, cự cũng là nhân duyên, ông chỉ có bản hữu, không thể nào làm loại, cho nên chẳng phải nhân duyên.

Luận: Không có Vô lậu chủng sinh Hữu lậu.

Có thuyết nói, họ cũng thừa nhận Vô lậu chủng làm nhân Hữu lậu, như pháp kéo dài tuổi thọ và pháp Vô lậu làm nhân Hữu lậu cảm đến mười vua v.v...

Biện rằng: Không đúng. Pháp kéo dài tuổi thọ là chỉ do Vô lậu giúp nghiệp cũ ấy, lẽ nào thừa nhận thân sinh quả Hữu lậu? Lại báo xứ của mười vua đều nói: Nhân địa tu trước lẽ nào dung chứa Địa tiền khởi Vô lậu, giả sử quay đầu thú hưởng cũng chẳng phải Vô lậu thân cảm quả ấy, Vô lậu không chiêu lấy quả ba cõi.

Sớ: Thiện bất thiện chủng Tiểu thừa cũng vậy.

Đây giả sử thừa nhận, chẳng phải bản chấp của họ. Có thuyết nói, Hữu bộ trừ nhân năng tác còn lại đều là nhân duyên, bất thiện được làm nhân Hữu phú Vô ký, là Đồng loại nhân vì đồng Đế.

Biện rằng: Giả sử bất thiện kia làm nhân Vô ký cũng không làm chứng cứ, đây nói pháp thiện làm nhân bất thiện.

Luận: Phân biệt luận.

Xét luận Du-già quyển 27 nêu chấp ấy nói: Phân biệt luận là kế chấp như vậy: tâm tánh vốn tịnh, khách trần phiền não nhiễm ô cho nên không thanh tịnh. Lại nói, tâm nhiễm ô, không nhiễm ô thể của nó không khác, nghĩa là nếu tương ứng phiền não chưa đoạn gọi là tâm nhiễm ô, nếu khi đoạn rồi gọi là không nhiễm ô. Ý của tông ấy nói, từ vô thủy đến nay tâm thể tự tịnh, do khởi phiền não nên gọi là nhiễm ô, nhiễm ô chẳng phải tâm bản tánh từ vô thủy, nên lập tên khách.

Hỏi: Hữu tình từ vô thủy có tâm xứng bản tánh tịnh tâm tánh vốn không nhiễm, đâu chẳng phải bản là Thánh?

Đáp: Hữu tình tâm tánh từ vô thủy cũng vậy, có tâm tức nhiễm cho nên chẳng phải là Thánh.

Hỏi: Hữu tâm tức nhiễm, vì sao nói tâm tánh vốn tịnh nói nhiễm làm khách?

Đáp: Sau khi tu đạo do nhiễm đoạn diệt, chỉ có tánh tịnh, cho nên nhiễm gọi là khách.

Sớ: Khởi tâm chẳng phải vận hồi tịnh.

Tâm y tha khởi gọi là khởi tâm.

Sớ: “Nếu nói thể Vô lậu diệt” đến “cũng không đúng”.

Đây lập lại người ngoài chống chế, ý của họ chống chế rằng, ngã vốn là thể Vô lậu không đoạn tuyệt, nếu ông nói ngã Vô lậu đoạn nên cũng không đúng.

Sớ: Do Hữu lậu làm tướng tánh là Vô lậu.

Lập lại ý người ngoài chống chế, sinh ở văn luận sau.

Sớ: Các dị sinh lẽ ra Vô lậu hiện hành v.v...

Khi Dị sinh thoát khỏi các tâm, tâm đây lẽ ra gọi là Vô lậu, do vì tánh tịnh, như các Thánh là tâm Vô lậu. Nếu thừa nhận như vậy, tức khi dị sinh vị khởi tâm nên gọi là Thánh, do thừa nhận khởi tâm Vô lậu kia. Trong số văn bao gồm nên khai ra.

Luận: “Nhưng trong Khế kinh nói” đến “nói lý tâm không v.v...”.

Xét trong kinh Thắng Man ghi: Như Lai tạng là Pháp giới tạng, Pháp thân tạng, Xuất thế gian thượng thượng tạng, Tự tánh thanh tịnh tạng, đây là tự tánh thanh tịnh Như Lai tạng, mà khách phiền não, thượng phiền não nhiễm.

Sớ: Có pháp viên tịch.

Pháp viên tịch tức là nhân Vô lậu Bồ-đề.

Luận: Hoặc nói tâm thể chẳng phải phiền não.

Xét luận Du-già quyển 54 ghi: “Lại nữa, các thức tự tánh chẳng phải nhiễm, do Thế Tôn nói tất cả tâm tánh vốn thanh tịnh, vì sao? Vì chẳng phải tâm tự tánh rốt ráo bất tịnh hay sinh lỗi lầm, cũng như tham v.v... tất cả phiền não”.

Sớ: Nghĩa chuyển đồng v.v...

Nghĩa này đủ như chương Tam thân trong Pháp Uyển biện rõ, sợ dài dòng nên không dẫn ra.

